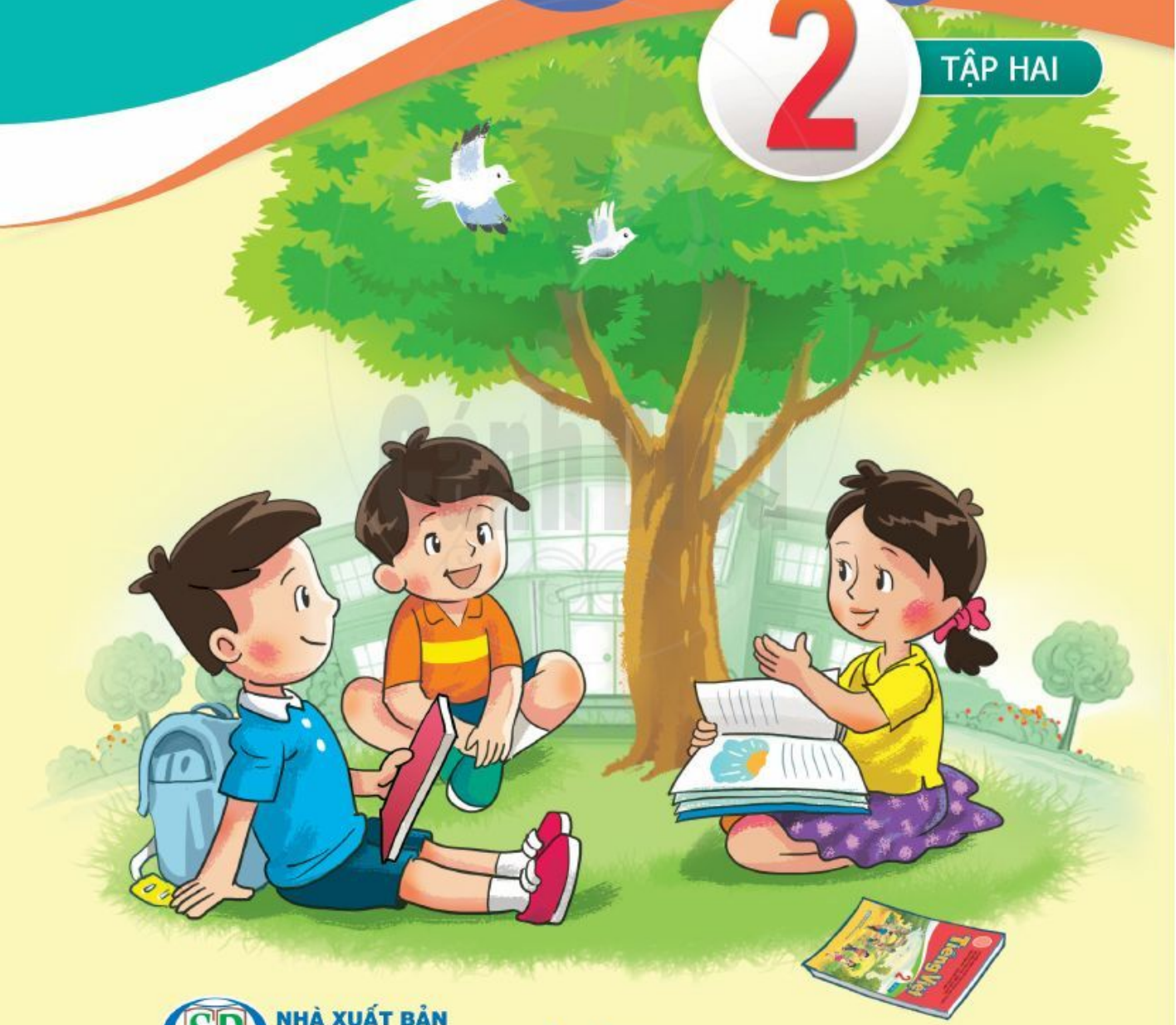
NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN KHÁNH HÀ
HOÀNG THỊ MINH HƯƠNG – TRẦN BÍCH THUỶ – LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

2

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN KHÁNH HÀ
HOÀNG THỊ MINH HƯƠNG – TRẦN BÍCH THUỶ – LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021)

2

TẬP HAI

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH


CHIA SẺ


ĐỌC


VIẾT


NÓI VÀ NGHE

(2), (3) BÀI TẬP LỰA CHỌN


CHÚ THÍCH VÀ GIẢI NGHĨA


CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP


MẪU VÀ VÍ DỤ


GÓC SÁNG TẠO


TỰ ĐÁNH GIÁ

Bài 19 Bạn trong nhà

CHIA SẺ

1. Hãy gọi tên các con vật dưới đây, nói điều em biết về các con vật đó:



2. Xếp tên các con vật trên thành 2 nhóm:

a) Những con vật được nuôi trong nhà (vật nuôi)

b) Những con vật không được nuôi trong nhà (động vật hoang dã)

Đàn gà mới nở

(Trích)



Lông vàng mát dịu
Mắt đen sáng ngời
Ơi chú gà ơi!
Ta yêu chú lắm!

Bây giờ thong thả
Mẹ đi lên đầu
Đàn con bé tí
Líu ríu chạy sau.

Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngẩng đầu trông
Bọn diều, bọn quạ.

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ.

Vườn trưa gió mát
Bướm bay dập dờn
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con.

PHẠM HỔ



- *Líu ríu chạy*: chạy như dính chân vào nhau.
- *Hòn tơ*: cuộn tơ (*tơ*: sợi mảnh, màu vàng, để dệt vải).
- *Dập dờn*: chuyển động lúc lên lúc xuống nhịp nhàng.

ĐỌC HIỂU

1. Tìm những khổ thơ tả:

a) Một chú gà con

b) Đàn gà con và gà mẹ

2. Gà mẹ làm gì để che chở gà con?

3. Hãy tìm những hình ảnh đẹp và đáng yêu của đàn gà con.

LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong những câu sau:

Lông / vàng / mát dịu.

Mắt / đen / sáng ngời.

2. Các từ nói trên trả lời cho câu hỏi nào? Trong các câu trên, chúng được dùng để tả những gì?

3. Em cần đặt **dấu phẩy** vào những chỗ nào trong câu sau?

Gà lợn trâu bò,… là những vật nuôi trong nhà.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết

Mèo con

Mèo con rình bắt
Cái đuôi của mình
Vồ phải, vồ trái
Đuôi chạy vòng quanh.

Mèo con nhanh thế
Đuôi còn nhanh hơn



Mèo dừng lại nghỉ
Đuôi vẫy chờn vờn.

Cả trưa tất bật
Chẳng bắt được gì
Mèo con mệt quá
Ôm đuôi ngủ khì.

PHÙNG PHƯƠNG QUÝ

(2). Tìm chữ hoặc dấu thanh phù hợp:

a) Chữ **l** hay **n**?

Trông xa tưởng ?à mèo
?ào ngờ ?ại là chim
Ban ngày ngủ ?im dim
Ban đêm ?ùng bắt chuột.

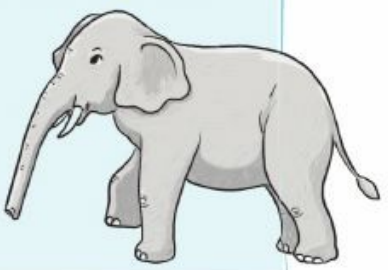
(Là con gì?)



b) **Dấu hỏi** hay **dấu ngã**?

Con gì **mui thong** đến chân
Deo dai, khéo léo, **chăng** cần đến tay?

(Là con gì?)



Cánh Diều

(3). Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:

a) (nặng, lặng): ? lẽ, ? nề

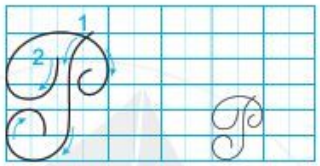
(lo, no): ? lắng, ? đủ

b) (vẻ, vẽ): ? tranh, ? mặt

(mở, mờ): cửa ?, ? gà

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Phố phường tấp nập, đông vui.

BÀI ĐỌC 2

Bồ câu tung cánh



1. Tổ tiên bồ câu nhà là loài bồ câu núi chuyên làm tổ trên vách đá. Bồ câu được con người đưa về nuôi từ cách đây năm nghìn năm. Mỗi năm, bồ câu đẻ nhiều lứa, mỗi lứa hai trứng. Bồ câu bố mẹ thay nhau ấp trứng. Khi chim non mới ra đời, bố mẹ không mớm mồi mà mớm sữa chứa trong diều cho con.

2. Bồ câu rất thông minh. Chúng có thể bay xa tới một nghìn tám trăm ki-lô-mét, nhưng dù bay xa đến đâu, chúng vẫn nhớ đường về. Vì thế, từ xưa, người ta đã huấn luyện bồ câu để đưa thư. Ở nước ta, trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh, tướng Nguyễn Chích đã dùng bồ câu đưa tin, góp phần đánh thắng nhiều trận quan trọng.

3. Sau này, mặc dù đã có những phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, ở một số nước, người ta vẫn sử dụng bưu điện chim bồ câu. Bưu điện này có hẳn một loại tem riêng.

Theo sách *Những con vật bầu bạn tuổi thơ*

– *Nguyễn Chích (1382 – 1448)*: một vị tướng nổi tiếng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, đánh đuổi quân Minh (Trung Quốc), giải phóng đất nước.

– *Diều*: bộ phận chứa thức ăn, phình ra ở đoạn dưới cổ các loài chim.

ĐỌC HIỂU

1. Chim bồ câu ấp trứng, nuôi con mới nở như thế nào?

2. Vì sao người ta dùng bồ câu để đưa thư?

3. Bồ câu đã giúp tướng Nguyễn Chích đánh giặc như thế nào?

LUYỆN TẬP

1. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm:

a) **Bồ câu** rất thông minh.

b) Bồ câu **rất thông minh**.

2. Xem hình ở trang 3, hỏi đáp với các bạn về vật nuôi theo mẫu sau:

M Ai (con gì, cái gì) thế nào?



1. Cùng bạn thực hành nói và đáp lại lời khen, lời an ủi trong các tình huống sau:

a) Bạn khen con mèo nhà em rất xinh.

b) Bác hàng xóm khen em khéo chăm đàn gà mới nở.

c) Mẹ em buồn vì con lợn nhà em bị ốm.

2. Quan sát tranh ảnh vật nuôi:

a) Mang đến lớp tranh (ảnh) một vật nuôi em yêu thích.

b) Quan sát tranh (ảnh) và ghi lại kết quả quan sát.







Gợi ý

– Đó là tranh (ảnh) con vật gì?

– Trong tranh (ảnh), con vật đang làm gì?

– Em thấy con vật thế nào?

– Đặt tên cho tranh (ảnh) đó.

c) Nói lại với các bạn kết quả quan sát.

M

Đây là ảnh mèo Bông nhà mình. Nó rất đáng yêu.....



BÀI VIẾT 2

Dựa vào kết quả quan sát và trao đổi ở tiết học trước, hãy viết 4 – 5 câu về tranh (ảnh) vật nuôi em yêu thích. Trang trí đoạn viết bằng tranh (ảnh) vật nuôi em sưu tầm, vẽ hoặc cắt dán.

Con bò sữa

Đây là tranh tôi vẽ một con bò sữa. Nó đang ăn cỏ.....

.....



TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về vật nuôi

1. Em hãy mang đến lớp một quyển sách hoặc bài báo viết về vật nuôi. Giới thiệu sách, báo với các bạn.



2. Tự đọc một truyện (bài thơ, bài báo). Viết vào vở hoặc phiếu đọc sách những câu văn hay hoặc những điều cần nhớ, những nhận xét của em,...

Mỗi loài một cách nói



1. Mèo có thể tạo ra 30 loại âm thanh, trong đó 19 âm thanh là những cách thể hiện khác nhau của tiếng "meo". Các âm thanh ấy được sử dụng để giao tiếp trong thế giới mèo cũng như khi mèo muốn "nói chuyện" với con người.



2. Tiếng răng lập cập của loài thỏ thường được dùng để báo hiệu sự hài lòng của nó. Khi tiếng lập cập này lớn hơn, nghĩa là thỏ đang đau đớn. Thỏ gầm gừ nghĩa là chúng đang tức giận. Còn khi thỏ kêu to nghĩa là chúng gọi thỏ bạn.

3. Khi dắt bầy con đi kiếm mồi, gà mẹ kêu đều đều "Cúc... cúc... cúc..." có nghĩa là: "Không có gì nguy hiểm.". Gà mẹ vừa bới vừa kêu nhanh "Cúc, cúc, cúc!" tức là nó gọi: "Lại đây mau, mồi ngon lắm!". Còn khi nó xù lông, kêu gấp "Roóc roóc!" thì có nghĩa là: "Nguy hiểm! Nấp mau!". Đàn con lập tức phải chui hết vào cánh mẹ, nằm im.

MINH KHUÊ tổng hợp



3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một đoạn truyện, một bài thơ, bài báo) em thích.

Bài 20 Gắn bó với con người

CHIA SẺ

Quan sát tranh và cho biết:

1. Có những vật nuôi nào trong bức tranh?

2. Các bạn nhỏ đang làm gì?



Con trâu đen lông mượt

(Trích)

Con trâu đen lông mượt
Cái sừng nó vênh vênh
Nó cao lớn lênh khênh
Chân đi như đập đất.
Trâu ơi, ăn cỏ mật
Hay là ăn cỏ gà?
Đừng ăn lúa đồng ta
(Lúa của mẹ của cha
Phải cấy cày vất vả).

Trâu ơi, uống nước nhá?
Đây rồi nước mương trong
Có ánh Mặt Trời hồng
Có ánh Mặt Trăng tỏ
Bờ mương xanh mướt cỏ
Của trâu đấy, tha hồ
Trâu cứ chén cho no
Ngày mai cày cho khoẻ.

TRẦN ĐĂNG KHOA

– *Cỏ mật*: cỏ mọc cao thành bụi, lá khi khô có mùi thơm như mật.
– *Cỏ gà*: cỏ thường có chỗ phình ra ở đầu chồi non, trẻ con hay lấy làm trò chơi "chọi gà".
– *Uống nước nhá*: uống nước nhé.
– *Tỏ*: sáng rõ, soi rõ.



ĐỌC HIỂU

1. Bài thơ là lời của ai?

2. Tìm từ ngữ tả hình dáng con trâu trong 4 dòng thơ đầu.

3. Cách trò chuyện của bạn nhỏ thể hiện tình cảm với con trâu như thế nào?

- Học thuộc lòng 9 dòng thơ đầu.

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:

trâu, đen, mượt, sừng, vênh vênh, nước, trong,
Mặt Trời, hồng, Mặt Trăng, tỏ, xanh

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ đặc điểm

2. Tìm những câu là lời khuyên của bạn nhỏ với con trâu:

a) Trâu ơi, ăn cỏ mật
Hay là ăn cỏ gà?

b) Đừng ăn lúa đồng ta.

c) Trâu ơi, uống nước nhá?

d) Trâu cứ chén cho no
Ngày mai cày cho khoẻ.

Bánh Diều

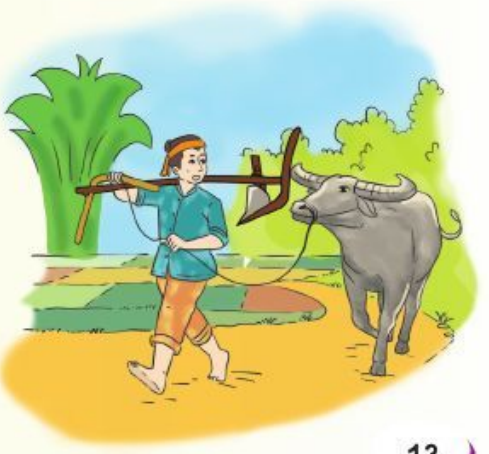
BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết

Trâu ơi

Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Ca dao



(2). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **s** hay **x**?



Con gì bé nhỏ
Mà hát khoẻ ghê
□uốt cả mùa hè
Râm ran hợp □ướng?
(Là con gì?)

b) Vần **iêc** hay **iêt**?

– Nước chảy rất mạnh là chảy x□.
– Khi mất một vật quý, em rất t□.

(3). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **s** hay **x**?

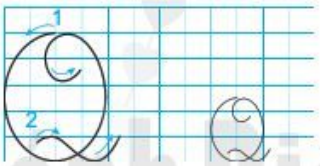
□ông lên dòng □ông □en lẫn hoa □en

b) Vần **iêc** hay **iêt**?

v□ chữ làm v□ bữa t□ thời t□

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Quê hương đổi mới từng ngày.

BÀI ĐỌC 2

Con chó nhà hàng xóm

1. Bé rất thích chó nhưng nhà Bé không nuôi con nào. Bé đành chơi với Cún Bông, con chó của bác hàng xóm. Bé và Cún thường nhảy nhót tung tăng khắp vườn.



2. Một hôm, mải chạy, Bé vấp phải một khúc gỗ và ngã đau, không đứng dậy được. Bé khóc. Cún nhìn Bé rồi chạy đi tìm người giúp. Vết thương khá nặng nên Bé phải bó bột, nằm bất động trên giường.



3. Bạn bè thay nhau đến thăm, kể chuyện, mang quà cho Bé. Nhưng khi các bạn về, Bé lại buồn. Thấy vậy, mẹ lo lắng hỏi:

– Con muốn mẹ giúp gì nào?

– Con nhớ Cún, mẹ ạ!

4. Ngày hôm sau, bác hàng xóm dẫn Cún sang chơi với Bé. Bé và Cún càng thân thiết. Cún mang cho Bé khi thì tờ báo, khi thì con búp bê,... Thỉnh thoảng, Cún muốn chạy nhảy, nô đùa. Nhưng con vật thông minh hiểu rằng chưa đến lúc chạy đi chơi được.

5. Ngày tháo bột đã đến. Bác sĩ rất hài lòng vì vết thương của Bé đã lành hẳn. Nhìn Bé vuốt ve Cún, bác sĩ hiểu chính Cún đã giúp Bé mau lành.

Theo THUÝ HÀ

– *Tung tăng*: vừa đi vừa nhảy, có vẻ rất vui thích.

– *Bó bột*: dùng khuôn bột thạch cao giữ chặt chỗ xương gãy.

ĐỌC HIỂU

1. Bạn của Bé ở nhà là ai?

2. Cún Bông đã giúp Bé như thế nào:

a) Khi Bé ngã?

b) Khi Bé phải nằm bất động?

3. Vì sao bác sĩ nghĩ rằng Bé mau lành là nhờ Cún Bông?

LUYỆN TẬP

1. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Thế nào?*:

a) Vết thương của Bé khá nặng.

b) Bé và Cún càng thân thiết.

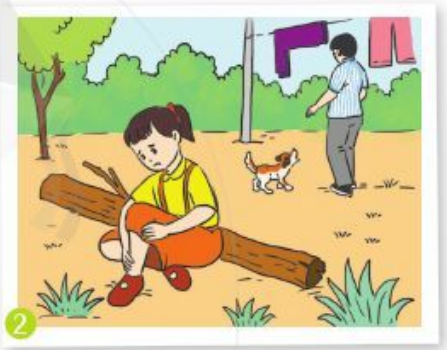
c) Bác sĩ rất hài lòng.

2. Đặt một câu nói về Cún Bông theo mẫu *Ai thế nào?*.

KỂ CHUYỆN

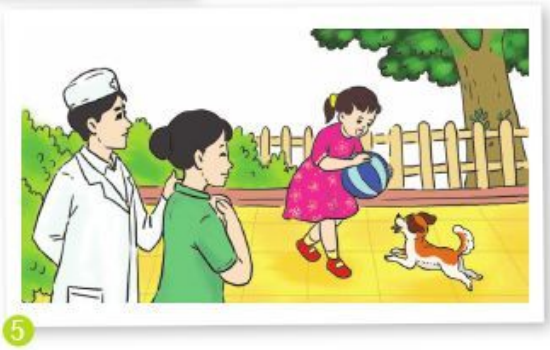
1. Dựa theo tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện *Con chó nhà hàng xóm*.











2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

1. Đọc thời gian biểu dưới đây của bạn Thu Huệ:

Thời gian biểu

Họ và tên: Nguyễn Thu Huệ
Lớp 2A, Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

Sáng	6 giờ - 6 giờ 30 6 giờ 30 - 7 giờ 7 giờ	Ngủ dậy, tập thể dục, vệ sinh cá nhân Kiểm tra sách vở, ăn sáng Đi học (Thứ Bảy: học vẽ, Chủ nhật: thăm ông bà)
Chiều	17 giờ 17 giờ - 17 giờ 30 17 giờ 30 - 18 giờ 18 giờ - 18 giờ 30	Về nhà Quét dọn nhà cửa Cùng mẹ nấu cơm Tắm gội
Tối	18 giờ 30 - 19 giờ 19 giờ - 20 giờ 20 giờ - 20 giờ 30 20 giờ 30 - 21 giờ 21 giờ	Ăn tối Chơi, xem truyền hình Chuẩn bị bài ngày mai Vệ sinh cá nhân Đi ngủ

Cánh Diều

a) Hãy kể những việc Thu Huệ làm hằng ngày.

b) Thu Huệ lập thời gian biểu để làm gì?

c) Thời gian biểu ngày cuối tuần của Thu Huệ có gì khác ngày thường?

2. Dựa theo mẫu thời gian biểu của bạn Thu Huệ, lập thời gian biểu buổi tối của em.

GÓC SÁNG TẠO

Viết về vật nuôi



1. Viết 4 – 5 câu (hoặc 4 – 5 dòng thơ) về một vật nuôi mà em yêu thích.

2. Hãy trưng bày và bình chọn sản phẩm có nội dung hay, hình ảnh đẹp.



3. Các bạn có sản phẩm được chọn giới thiệu sản phẩm của mình.

M



Tôi viết về con thỏ. Tôi cắt dán một con thỏ bằng lá cây.

Trong thế giới động vật, em thích nhất là con thỏ. Con thỏ rất đáng yêu.....
.....





Con mèo nhà em
Nó tên là Bông
Bông thích chạy nhảy
Mũi nó màu hồng
Em rất yêu Bông.
Kim Khánh



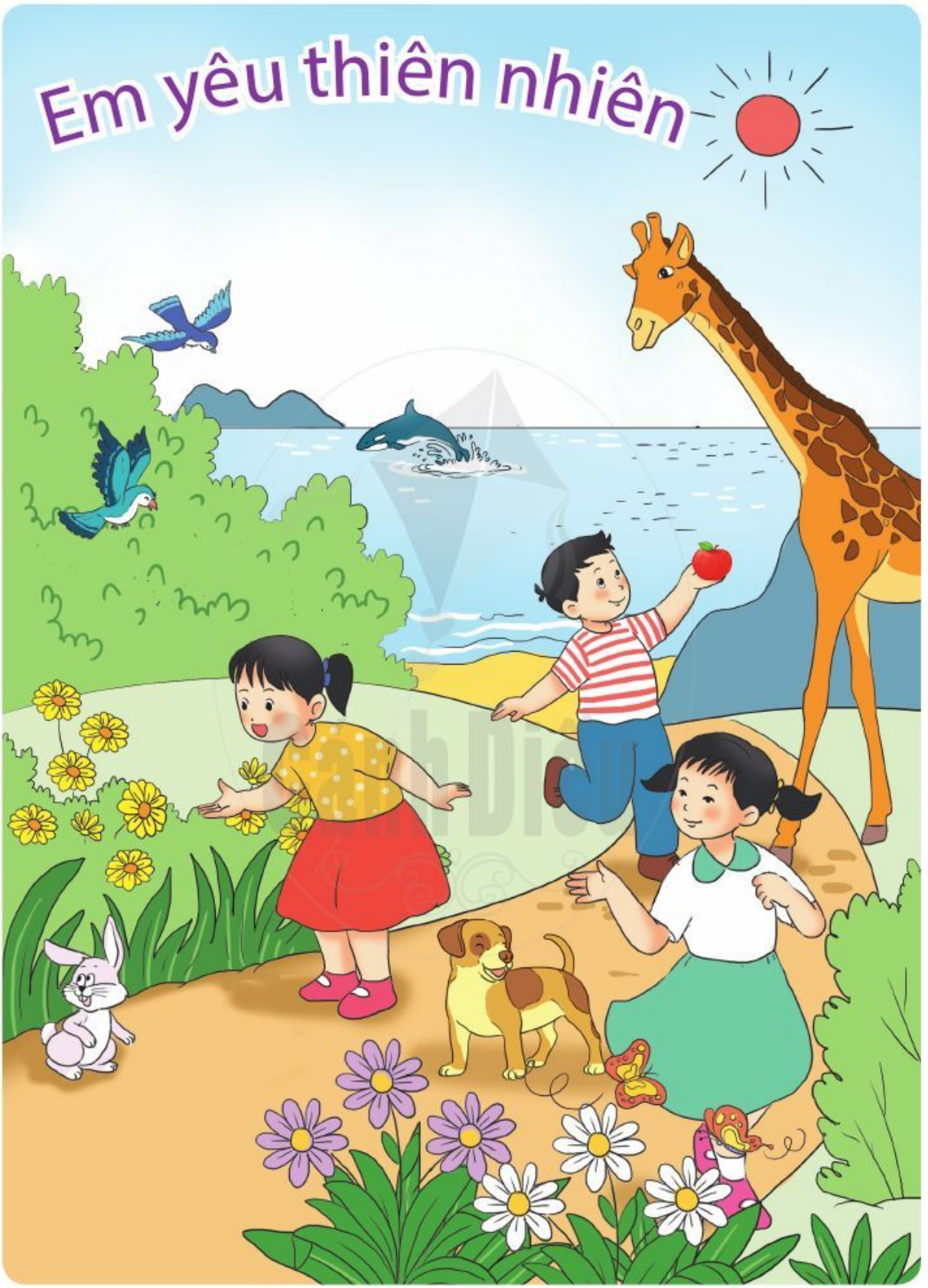
TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau Bài 19 và Bài 20, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy tự đánh giá theo bảng dưới đây:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa P, Q	a) Viết các chữ hoa P, Q
b) Từ ngữ miêu tả vật nuôi	b) Sử dụng từ ngữ miêu tả vật nuôi
c) Thời gian biểu	c) Lập thời gian biểu buổi tối
d) Truyện, thơ, bài văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về vật nuôi	d) – Kể chuyện theo tranh – Viết về tranh (ảnh) một vật nuôi em yêu thích

Cánh Diều

Em yêu thiên nhiên



Bài 21 Lá phổi xanh

CHIA SẺ

1. Em biết cây nào trong các loài cây dưới đây?



cây bàng
cây lúa
cây cam
cây hoa hồng
cây ngô
cây cải bắp
cây thông

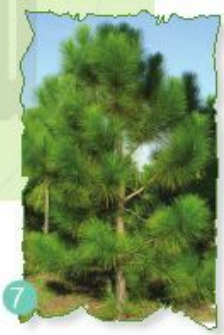












2. Xếp tên mỗi loài cây nói trên vào nhóm thích hợp:

a) Cây lương thực, thực phẩm. (M) cây cải bắp
b) Cây ăn quả
c) Cây lấy gỗ
d) Cây lấy bóng mát
e) Cây hoa

Tiếng vườn

1. Mùa xuân về lúc nào không rõ. Tôi nghe tiếng vườn gọi.

2. Trong vườn, cây muỗm khoe chùm hoa mới. Hoa muỗm tua tủa trổ thẳng lên trời. Hoa nhài trắng xoá bên vại nước. Những bông nhài trắng một màu trắng tinh khôi, hương thơm ngạt ngào. Khi hoa nhài nở, hoa bưởi cũng đua nhau nở rộ. Từng chùm hoa bưởi, cánh trắng chẳng kém hoa nhài, nhưng lại có những tua nhị vàng như những bông thuỷ tiên thu nhỏ.

3. Nhưng ấn tượng nhất là những tán xoan. Cả mùa đông phơi thân cành khô cong trước gió lạnh, vậy mà hơi xuân vừa chớm đến, trên những cành cây khô ấy bỗng vỡ oà ra những chùm lộc biếc.



4. Trong những tán lá cây vườn, chim vành khuyên lích chích tìm sâu trong bụi chanh. Những cánh ong mật quay tít trên chùm hoa bưởi. Đàn chào mào ríu rít trên các cành xoan, vừa ở vườn này đã bay sang vườn khác.

Theo NGÔ VĂN PHÚ

– *Muỗm*: cây cùng loại với xoài, quả giống quả xoài nhưng nhỏ hơn.

– *Tua tủa*: từ gợi tả dáng chĩa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn.

– *Tinh khôi*: hoàn toàn tinh khiết, thuần một tính chất nào đó, tạo cảm giác tươi đẹp.

ĐỌC HIỂU

1. Trong vườn có những cây nào nở hoa?

2. Có những con vật nào bay đến vườn cây?

3. Theo em hiểu, những gì đã tạo nên tiếng gọi của vườn? Chọn ý đúng nhất:

a) Tiếng các loài hoa khoe sắc đẹp.

b) Tiếng hót của các loài chim và tiếng bầy ong đập cánh.

c) Cả hai ý trên.

LUYỆN TẬP

1. Trả lời câu hỏi:

a) Khi nào hoa bưởi đua nhau nở rộ?

b) Khi nào những cành xoan nảy lộc?

2. Những từ ngữ nào ở bảng bên:

a) Có thể dùng để đặt câu hỏi thay cho *Khi nào?*

b) Có thể dùng để trả lời câu hỏi *Khi nào?*

bao giờ
mùa nào
mùa xuân
tháng Hai
tháng mấy
hôm qua



BÀI VIẾT 1



1. Nghe – viết: *Tiếng vườn* (từ "Trong vườn..." đến "... đua nhau nở rộ.")

(2). Tìm chữ hoặc vần phù hợp với ô trống rồi giải câu đố:

a) Chữ **ch** hay **tr**?



Mỏ dài lông biếc
□ên cành lặng yên
Bỗng vụt như tên
□ao mình bắt cá.
(Là con gì?)

b) Vần **uôc** hay **uôt**?

Móng chân như g□
Ụt ịt s□ ngày
No bụng ngủ ngay
Đói la eng éc.
(Là con gì?)



(3). Tìm tên:

a) 3 loài cây, quả:





– Có tiếng bắt đầu bằng **ch**. (M) chè

– Có tiếng bắt đầu bằng **tr**. (M) trúc









b) 3 vật, con vật hoặc hoạt động:





– Có tiếng chứa vần **uôc**. (M) luộc rau

– Có tiếng chứa vần **uôt**. (M) vuốt tóc



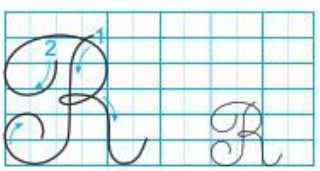






4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Ríu rít tiếng chim trong vườn.

Cây xanh với con người



1. Con người không thể sống thiếu cây xanh. Lúa, ngô, khoai, sắn,... nuôi sống ta. Các loại rau là thức ăn hằng ngày của ta. Chuối, cam, bưởi, khế,... cho ta trái ngọt.

Cây xanh là bộ máy lọc không khí, làm lợi cho sức khoẻ con người. Ở đâu có nhiều cây xanh, ở đó có không khí trong lành.

Rễ cây hút nước rất tốt. Vào mùa mưa bão, cây có thể giúp giữ nước, hạn chế lũ lụt, lở đất do nước chảy mạnh.

Cây xanh che bóng mát, cung cấp gỗ để làm nhà cửa, giường tủ, bàn ghế,... Những hàng cây xanh và vườn hoa còn làm đẹp đường phố, xóm làng.

2. Cây xanh có nhiều ích lợi như vậy nên chúng ta phải thường xuyên bảo vệ, chăm sóc cây và trồng cây. Người Việt Nam có phong tục Tết trồng cây. Phong tục tốt đẹp này bắt nguồn từ lời kêu gọi ngày 28 - 11 - 1959 của Bác Hồ:

"Mùa xuân là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân".

TRUNG ĐỨC



– *Phong tục*: thói quen đã có từ lâu được mọi người tin và làm theo.
– *Tết trồng cây*: phong tục trồng cây vào những ngày đầu xuân.
– *Bắt nguồn*: được bắt đầu, được sinh ra.

ĐỌC HIỂU

1. Mỗi ý trong đoạn 1 nêu một lợi ích của cây xanh. Đó là những lợi ích gì?

2. Vì sao phải thường xuyên bảo vệ, chăm sóc và trồng thêm cây xanh?

3. Phong tục Tết trồng cây ở nước ta có từ bao giờ?

LUYỆN TẬP

1. Hỏi đáp với bạn theo mẫu:

M Phong tục Tết trồng cây ở nước ta có từ bao giờ?

– Nhà bạn trồng cây cam này từ...? (bao giờ, khi nào)

– Nhà mình trồng cây cam này từ... (năm ngoái, tháng trước,...)

2. Em sẽ hỏi thế nào:

a) Nếu nhìn thấy cây cam đã có quả?

b) Nếu nhìn thấy cây cam mới ra hoa, chưa có quả?

1) **Bao giờ** cây cam này ra quả?

2) Cây cam này ra quả **bao giờ**?

TRAO ĐỔI

1. Quan sát tranh ảnh cây (hoa, quả):

a) Mang đến lớp tranh, ảnh một cây xanh (một loài hoa, quả) em yêu thích.

b) Ghi lại những điều em quan sát được.







c) Nói lại với các bạn kết quả quan sát tranh ảnh.



Gợi ý

– Đó là tranh (ảnh) loài cây (hoa, quả) nào?: Cây hoa sen.

– Trong ảnh, cây hoa trông như thế nào?

+ Cây hoa mọc trên đầm nước.

+ Lá xanh, cánh hồng, nhuỵ vàng,

– Tình cảm của em với tranh (ảnh) đó thế nào?: Em rất thích bức ảnh. Bức ảnh làm em thêm yêu hoa sen.



2. Chuẩn bị cho hoạt động *Góc sáng tạo* tuần tới: Hạt đỗ nảy mầm.



1) Chọn khoảng 10 hạt đỗ xanh (đậu xanh) hoặc đỗ đen (đậu đen).



2) Ngâm hạt trong nước khoảng 8 tiếng.



3) Vùi hạt dưới đất mịn, sâu khoảng 2 đốt ngón tay của em.



4) Hai ngày một lần, em tưới nước cho đất ẩm và đợi hạt nảy mầm.



5) Hằng ngày, em quan sát và ghi lại: Mầm nhô lên khi nào? Mầm màu gì, có mấy lá?...

Cánh Diều

BÀI VIẾT 2

1. Hãy lập thời gian biểu một ngày đi học của em.

Thời gian biểu

Họ và tên:

Lớp:

Trường Tiểu học:

Sáng	
Trưa	
Chiều	

2. Trao đổi với các bạn về thời gian biểu của em.

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về cây cối

1. Em hãy mang đến lớp một quyển sách, bài báo viết về cây cối. Giới thiệu sách, báo với các bạn.



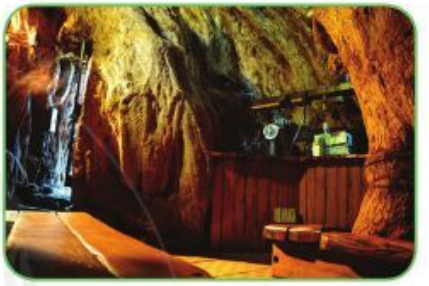
2. Tự đọc một truyện (bài thơ, bài báo) em thích. Chép lại những câu văn, câu thơ hay hoặc viết cảm nghĩ của em.

Bạn có biết?

Cây lâu năm nhất: Cây có tuổi thọ cao nhất là một cây thông ở Nhật Bản. Ước tính nó đã sống trên bảy nghìn năm. Còn ở nước ta, trong Vườn Quốc gia Cúc Phương, có cây chò khoảng một nghìn tuổi.



Cây to nhất: Cây xê-côi-a sáu nghìn tuổi ở Mỹ to đến mức người ta đặt được một tiệm giải khát trong gốc cây.



Cây bao-báp bốn nghìn tuổi ở châu Phi cũng to không kém: một lớp 40 học sinh nắm tay nhau mới ôm được hết thân của nó.

Cây đoàn kết nhất: Đó là những cây mọc thành cụm như cây tre, những cây nối rễ với nhau như cây thông. Những cây này đói no cùng chia sẻ.



Theo LÊ QUANG LONG,
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

– *Tuổi thọ*: thời gian sống được của người, con vật, cây cối,...
– *Ước tính*: tính không thật chính xác, tỉ mỉ.
– *Vườn Quốc gia Cúc Phương*: khu rừng ở tỉnh Ninh Bình có các loài cây và con vật quý hiếm, được Nhà nước bảo vệ.
– *Tiệm giải khát*: cửa hàng bán nước uống.

3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe những gì em vừa đọc.

Bài 22 Chuyện cây, chuyện người

CHIA SẺ

1. Quan sát các hình ảnh dưới đây:

Sắp xếp lại thứ tự các hình cho phù hợp với quá trình từ lúc lúa còn non đến lúc thu hoạch và được nấu thành cơm.



cơm



thóc



gạo



cây lúa chín



cây mạ non



cây lúa trưởng thành

2. Nghe bài hát: *Em đi giữa biển vàng* (nhạc: Bùi Đình Thảo, lời thơ: Nguyễn Khoa Đăng).



Mùa lúa chín

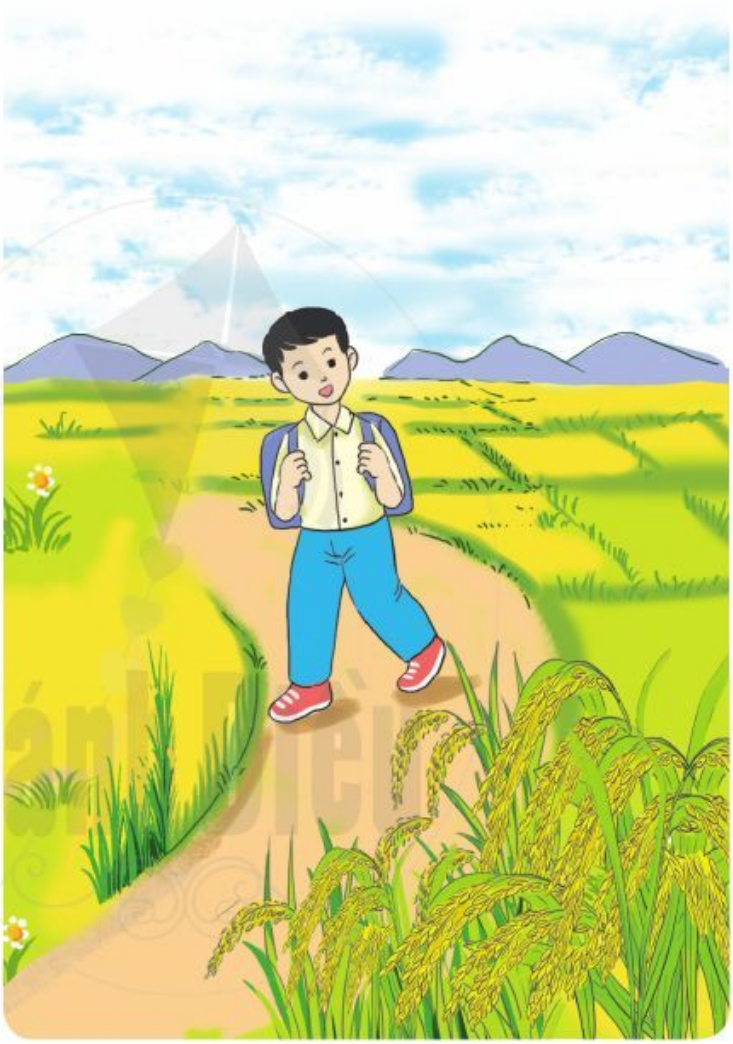
Vây quanh làng
Một biển vàng
Như tơ kén...
Hương lúa chín
Thoang thoảng bay
Làm say
Đàn ri đá.

Lúa biết đi
Chuyện rầm rì
Rung rinh sóng
Làm xáo động
Cả rặng cây
Làm lung lay
Hàng cột điện...

Bông lúa quyện
Trĩu bàn tay
Như đựng đầy
Mưa, gió, nắng
Như đeo nặng
Giọt mồ hôi
Của bao người
Nuôi lớn lúa...

Em đi giữa
Biển vàng
Nghe mênh mang
Đồng lúa hát...

NGUYỄN KHOA ĐĂNG



– *Tơ kén*: sợi tơ con tằm nhả ra để tạo thành tổ kén, màu vàng.
– *Ri đá*: loài chim sẻ mỏ ngắn, mình nhỏ, lông màu nâu sẫm.

ĐỌC HIỂU

1. Ở khổ thơ 1, đồng lúa chín được so sánh với những gì?

2. Tìm một hình ảnh đẹp ở khổ thơ 2.

3. Những câu thơ nào nói lên nỗi vất vả của người nông dân?

4. Những từ ngữ nào ở khổ thơ cuối thể hiện niềm vui của bạn nhỏ khi đi giữa đồng lúa chín?

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

thóc, gặt, cấy, gạo, cánh đồng,
đập, gánh, nương, rẫy

a) Từ ngữ chỉ nơi trồng lúa. (M) cánh đồng

b) Từ ngữ chỉ hoạt động liên quan đến cây lúa. (M) cấy

c) Từ ngữ chỉ sản phẩm từ cây lúa. (M) gạo

2. Đặt câu với một trong các từ ngữ trên.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Mùa lúa chín* (2 khổ thơ đầu)

2. Tìm chữ phù hợp với ô trống để hoàn chỉnh mẩu chuyện dưới đây: chữ **c** hay **k**, chữ **ng** hay **ngh**?

Quả sồi



Quả sồi nhỏ nằm dưới đất. Nó ao ước được ở trên ▪ao để ▪ắm trăng sao, ▪e gió rì rào ▪ể chuyện. Nó nhờ ông sồi già đưa nó lên ▪ành cao. Ông sồi bảo:

– Cháu hãy tự mọc rễ nhanh lên, rồi cháu sẽ trở thành một ▪ây sồi cao lớn.

Theo XU-KHÔM-LIN-XKI

Sồi: loại cây to cùng họ với cây dẻ.

(3). Tìm các tiếng:

a) Bắt đầu bằng **r**, **d** hoặc **gi**, có nghĩa như sau:



– Kêu lên vì vui mừng.

– Nói sai sự thật.

– Rắc hạt xuống đất để mọc thành cây.

b) Có **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã**, có nghĩa như sau:

– Ngược lại với **thật**.

– Ngược lại với **lành** (**hiền**).

– Đường nhỏ và hẹp trong làng xóm, phố phường.

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Sương long lanh đậu trên cành lá.

BÀI ĐỌC 2

Chiếc rễ đa tròn

1. Buổi sớm hôm ấy, sau khi tập thể dục, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ, dài ngoằn ngoèo nằm trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi bảo chú cần vụ đứng gần đấy:

– Chú cuốn rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!

2. Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Nhưng Bác bảo:

– Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn và bảo chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc:

– Thưa Bác, làm thế để làm gì ạ?

Bác khẽ cười:

– Rồi chú sẽ biết.

3. Nhiều năm sau, chiếc rễ đã bén đất và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy. Lúc đó, mọi người mới hiểu vì sao Bác trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.



Theo sách *Bác Hồ kính yêu*

– *Tần ngần*: đang mải suy nghĩ, chưa biết nên làm thế nào.

– *Cần vụ*: người làm công việc chăm sóc, phục vụ lãnh đạo.

– *Thắc mắc*: có điều chưa hiểu, cần hỏi.

ĐỌC HIỂU

1. Khi thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác Hồ nói gì với chú cần vụ?

2. Vì sao Bác Hồ phải hướng dẫn chú cần vụ trồng lại chiếc rễ đa?

3. Về sau, chiếc rễ đa ấy trở thành một cây đa như thế nào?

4. Các bạn nhỏ vào thăm vườn Bác thích chơi trò chơi gì bên cây đa ấy?

LUYỆN TẬP

1. Hãy nói lại cách trồng chiếc rễ đa theo lời hướng dẫn của Bác Hồ:

a) Cuộn chiếc rễ đa...

b) Đóng hai cái cọc xuống đất.

c) Buộc...

d) Vùi...

2. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Khi nào?*:

a) Sau khi tập thể dục, Bác Hồ đi dạo trong vườn.

b) Nhiều năm sau, chiếc rễ đa đã thành một cây đa con.

c) Lúc đó, mọi người mới hiểu ý của Bác Hồ.

KỂ CHUYỆN

1. Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện *Chiếc rễ đa tròn*.



Cánh Diều





2. Dựa vào câu chuyện trên, hãy nói 1 – 2 câu:

a) Về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi.

b) Về tình cảm của Bác Hồ đối với mỗi vật xung quanh.

BÀI VIẾT 2

1. Nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong một bức tranh em thích.

Gợi ý

– Các bạn đang làm gì?
– Vẻ mặt các bạn thế nào?
– Cây xanh trông thế nào?
– Đặt tên cho bức tranh.







2. Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết 4 – 5 câu về hoạt động của các bạn nhỏ trong bức tranh em thích.

GÓC SÁNG TẠO

Hạt đỗ nảy mầm



1. Chọn viết 1 trong 2 đề sau:

a) Viết lại những điều em đã ghi chép hằng ngày về hạt đỗ nảy mầm.

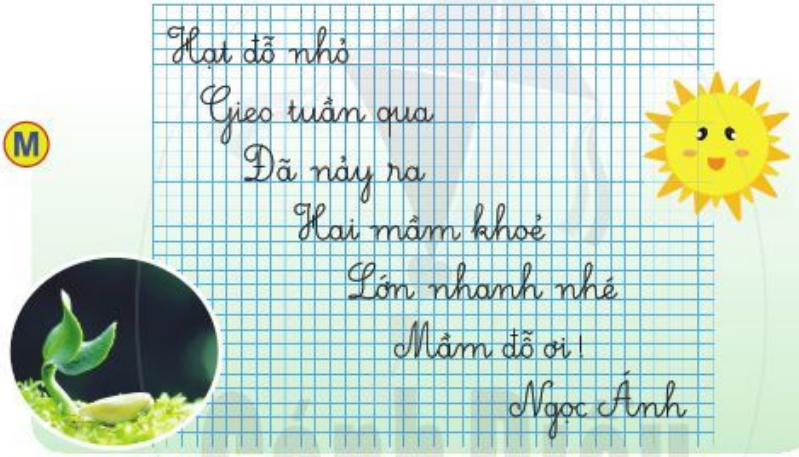
b) Viết 4 – 5 dòng thơ tặng hạt đỗ nảy mầm.



2. Cùng các bạn trong tổ, nhóm chọn sản phẩm ấn tượng.

3. Những bạn có sản phẩm được chọn giới thiệu bài làm của mình.

M



TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau Bài 21 và Bài 22, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy tự đánh giá theo bảng dưới đây:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa *R*, *S*	a) Viết các chữ hoa *R*, *S*
b) Câu hỏi *Khi nào?*	b) Hỏi và trả lời câu hỏi *Khi nào?*
c) Thời gian biểu	c) Lập thời gian biểu một ngày đi học
d) Hướng dẫn hoạt động	d) Làm theo hướng dẫn hoạt động
e) Truyện, thơ, thông tin, tranh ảnh về cây cối	e) – Mở rộng vốn từ về cây cối – Quan sát, nhận xét, ghi chép và viết về tranh ảnh cây cối, về hạt nảy mầm

Bài 23 Thế giới loài chim

CHIA SẺ

1. Hãy gọi tên những loài chim chưa có tên trong ảnh.

Gợi ý

cú mèo, quạ, chim sâu, gõ kiến, cánh cụt



2. Xếp tên các loài chim nói trên vào nhóm thích hợp:

a) Gọi tên theo hình dáng, màu sắc. (M) chim cánh cụt

b) Gọi tên theo tiếng kêu. (M) chim bìm bịp

c) Gọi tên theo cách kiếm ăn. (M) chim bói cá

BÀI ĐỌC 1

Chim én

Chim én bận đi đâu
Hôm nay về mở hội
Lượn bay như dẫn lối
Rủ mùa xuân cùng về.

Cỏ mọc xanh chân đê
Rau xum xuê nương bãi
Cây cam vàng thêm trái
Hoa khoe sắc nơi nơi.

Trời rắc bụi mưa rơi
Mầm non vươn đứng dậy
Én bay chao cánh vẫy
Mừng vui rồi lại đi.

Chim ơi, chim nói gì
Khi lớn thêm một tuổi?

XUÂN DỤC



– *Chim én*: loài chim nhỏ, cánh dài và nhọn, chân ngắn, bay nhanh, thường gặp nhiều vào mùa xuân.

– *Chao*: nghiêng nhanh từ bên này sang bên kia.

ĐỌC HIỂU

1. Em hiểu chim én "rủ mùa xuân cùng về" nghĩa là gì? Chọn ý đúng:

a) Chim én báo hiệu mùa xuân về.

b) Chim én dẫn đường cho mùa xuân về.

c) Chim én về để mở hội xuân.

2. Tìm những câu thơ tả vẻ đẹp của cây cối khi xuân về.

3. Em muốn chim én nói gì khi xuân về?

LUYỆN TẬP

1. Bộ phận nào trong mỗi câu sau trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*:

a) Cỏ mọc xanh ở chân đê.

b) Rau xum xuê trên nương bãi.

c) Hoa khoe sắc khắp nơi.

2. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:

chim én, mở hội, lượn bay, hoa, dẫn lối, rủ, chao, cánh, vẫy, mầm non

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động

BÀI VIẾT 1



1. Nghe – viết: *Chim én* (2 khổ thơ đầu)

(2). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **l** hay **n**?

Khi phương đông vừa vẩn bụi hồng, hoạ mi lại hót vang □ừng, chào □ắng sớm. Hót xong, □ó xù □ông rũ hết những giọt sương rồi chuyền bụi cây, tìm sâu, ăn □ót dạ, đoạn vỗ cánh bay đi.

Theo NGỌC GIAO

b) Vần **ươc** hay **ươt**?

Mưa đến rồi. Mọi người không tưởng đ□ là mưa lại kéo đến chóng thế. Bao nhiêu n□ tuôn rào rào. Lá đào, lá na, lá sói vẫy tai run rẩy. Con gà trống □ lướt th□ ngật ngưỡng tìm chỗ trú.

Theo TÔ HOÀI



(3). a) Tìm và viết các tiếng bắt đầu bằng **l** hoặc **n**, có nghĩa như sau:

– Tiếng chim hót có nhiều âm thanh cao và trong, ríu vào nhau nghe vui tai.



– Vật để thắp sáng, hình trụ, làm bằng sáp hoặc bơ, ở giữa có bấc.

– Ánh sáng trực tiếp từ Mặt Trời chiếu xuống.



– Có nhiệt độ thấp hơn nhiều so với mức nhiệt độ trung bình.

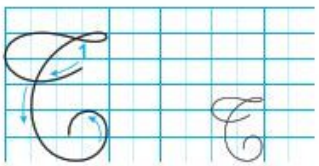
b) Tìm và viết:

– 2 tiếng có vần **ươc**. (M) bước

– 2 tiếng có vần **ươt**. (M) lượt

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Chim rừng Tây Nguyên

1. Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ Y-rơ-pao chao mình rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông.

2. Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít. Chim đại bàng chân vàng, mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn cùng hoà âm. Bầy thiên nga trắng muốt đang bơi lội. Những con chim kơ-púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt cố rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo.

3. Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn vang cả mặt nước.

Theo THIÊN LƯƠNG



– *Chao lượn*: bay nghiêng đi nghiêng lại trên trời.
– *Rợp*: (bóng che) kín.
– *Hoà âm*: phối hợp nhiều âm thanh với nhau cùng lúc.
– *Thanh mảnh*: thon thả, xinh xắn.

ĐỌC HIỂU

1. Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của mặt hồ Y-rơ-pao.

2. Quanh hồ Y-rơ-pao có những loài chim nào?

3. Dựa theo bài đọc, hãy tả lại hình ảnh của một loài chim mà em thích.

LUYỆN TẬP

1. Bộ phận in đậm trong những câu sau trả lời cho câu hỏi nào?

a) Hồ Y-rơ-pao **ở Tây Nguyên**.

b) Những tiếng chim ríu rít cất lên **quanh hồ**.

c) Họ nhà chim ríu rít bay đến đậu **ở những bụi cây quanh hồ**.

2. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*:

a) Đại bàng chao lượn trên nền trời xanh thẳm.

b) Trên mặt hồ, bầy thiên nga trắng muốt đang bơi lội.

c) Ven hồ, những con chim kơ-púc hót lên lanh lảnh.

TRAO ĐỔI

1. Cùng bạn thực hành nói và đáp lời đồng ý trong các tình huống sau:

a) Bạn muốn thăm góc học tập của em.

b) Em muốn giới thiệu với bạn các đồ chơi của mình.

c) Bạn muốn em hướng dẫn cách chơi một đồ chơi.

2. Quan sát:

a) Mang đến lớp đồ vật, đồ chơi hình một loài chim (hoặc tranh ảnh loài chim) em yêu thích.

b) Quan sát đồ vật, đồ chơi (tranh ảnh) và ghi lại kết quả quan sát.







c) Nói lại với các bạn kết quả quan sát.



Gợi ý

– Tên đồ chơi: chim cánh cụt bông.

– Đặc điểm của đồ chơi:

+ Con chim có mỏ màu vàng, béo tròn, bụng trắng, lưng đen.

+ Con chim được lắp pin, khi mở công tắc sẽ vừa đi vừa đập hai cánh.

– Tình cảm của em với đồ chơi: đồ chơi làm bằng bông, rất mềm mại và có thể cử động nên em rất thích nó.

BÀI VIẾT 2

Dựa vào những điều đã quan sát và trao đổi với bạn ở tiết học trước, hãy viết 4 – 5 câu về đồ vật, đồ chơi hình một loài chim (hoặc tranh ảnh loài chim) em yêu thích... Trang trí đoạn viết bằng tranh em vẽ hoặc cắt dán.

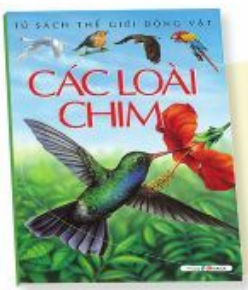
Tôi vẽ chim sẻ. Con chim sẻ nhỏ bé, hai chân như hai que tăm .....
.....



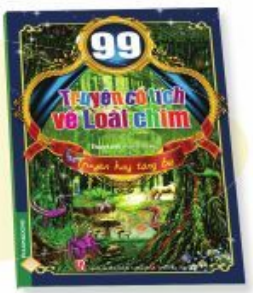
TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về các loài chim

1. Em mang đến lớp quyển sách, bài báo viết về các loài chim. Giới thiệu sách, báo với các bạn.







2. Tự đọc một truyện (hoặc bài thơ, bài báo) trong quyển sách, tờ báo mà em mang đến.

Hộp thư anh Biết Tuốt



Vì sao mỏ của các loài chim không giống nhau?

Mỏ của chim liên quan đến thức ăn của chúng. Mỏ chim sẻ và chim bồ câu hình tam giác, nhỏ, ngắn và cứng, vì chúng ăn hạt ngũ cốc. Mỏ vẹt khoằm khoằm như cái sừng trâu, vừa dày vừa cứng, giúp chúng dễ dàng mổ vỡ các hạt cứng. Còn chim ưng có mỏ vừa cứng vừa sắc để bắt và xé con mồi.

Vì sao cò thường đứng bằng một chân?

Cò có cơ thể tương đối lớn. Nếu nó nằm hẳn xuống thì đứng dậy sẽ rất khó khăn. Vì vậy, khi cần nghỉ, nó co một chân lên, áp sát bụng. Hai chân cò thay nhau co lên cho đỡ mỏi. Nếu thấy nguy hiểm, cò có thể bay đi trốn thật nhanh.

Vì sao chim sẻ thường nhảy mà không đi?

Chim sẻ sống ở trên cây nên phải bám vào cành cây bằng cả hai chân cho khỏi ngã. Vì quen dùng đồng thời hai chân nên chúng không thể đi lại bình thường trên mặt đất.

Theo sách *10 vạn câu hỏi "Vì sao?"*

3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một đoạn truyện, một bài thơ, bài báo) em vừa đọc.

Bài 24 Những người bạn nhỏ

CHIA SẺ

1. Đây là loài chim gì?



cú



én

a) Chim gì báo hiệu xuân sang?

b) Chim gì chuyên bắt sâu?

c) Chim gì biết đưa thư, là biểu tượng của hoà bình?

d) Chim gì mặt giống mặt mèo, ăn đêm, chuyên bắt chuột?

e) Chim gì có bộ lông đuôi rực rỡ sắc màu, múa rất đẹp?

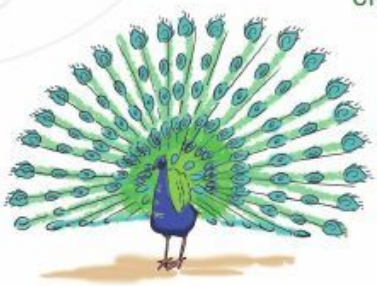


bồ câu



chim sâu





công

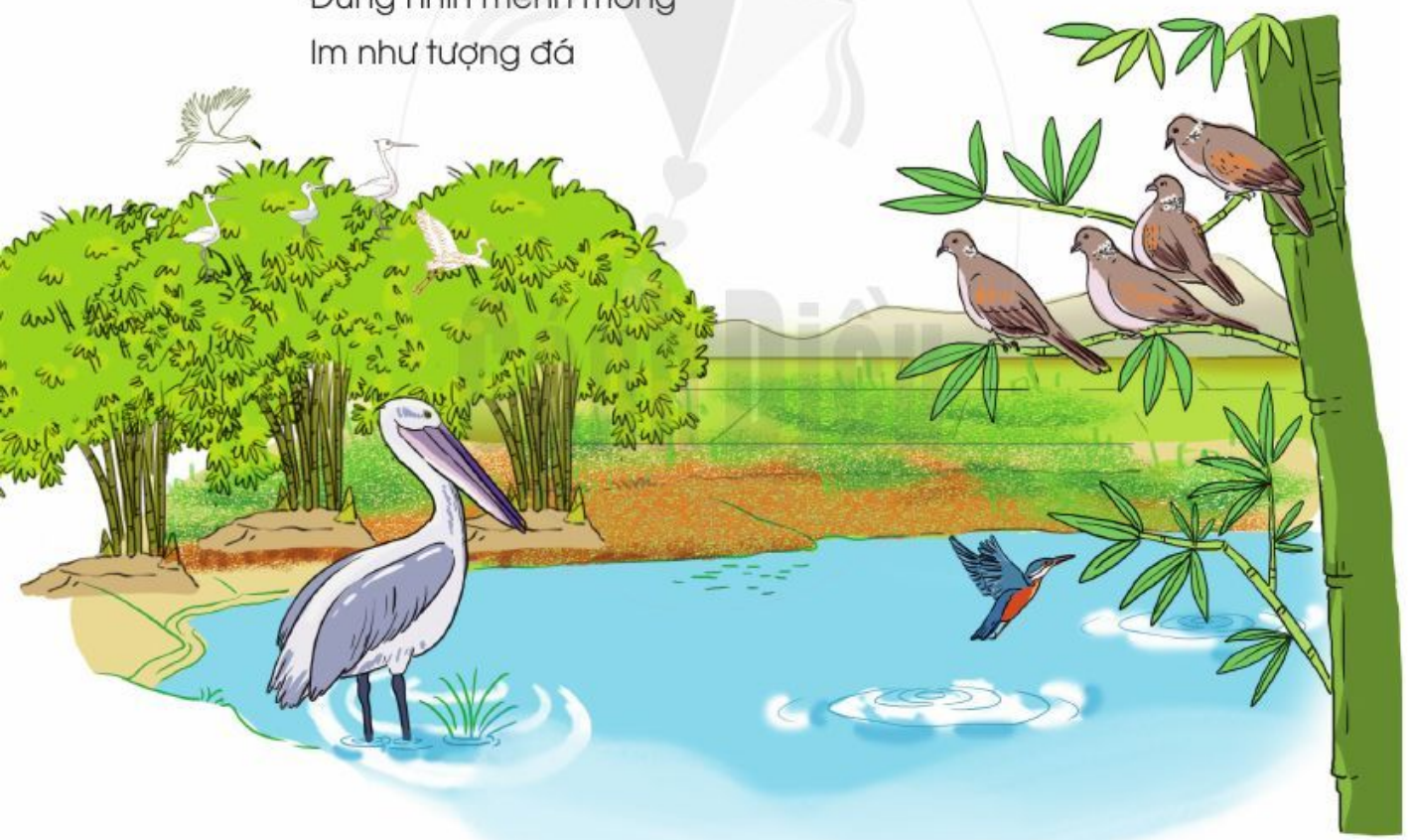
2. Theo em, các loài chim mang đến những lợi ích gì cho con người?

Bờ tre đón khách

(Trích)

Bờ tre quanh hồ
Suốt ngày đón khách
Một đàn cò bạch
Hạ cánh reo mừng
Tre chợt tưng bừng
Nở đầy hoa trắng
Đến chơi im lặng
Có bác bồ nông
Đứng nhìn mênh mông
Im như tượng đá
Một chú bói cá
Đỗ xuống cành mềm
Chú vụt bay lên
Đậu vào chỗ cũ
Ghé chơi đông đủ
Cả toán chim cu
Ca hát gật gù:
"Ồ, tre rất mát!".

VÕ QUẢNG



– *Cò bạch*: cò trắng.
– *Toán*: bầy, đàn, nhóm.
– *Gật gù*: gật nhẹ nhiều lần, tỏ ý đồng tình.

ĐỌC HIỂU

1. "Khách" đến bờ tre là những loài chim nào?

2. Câu thơ nào cho thấy bờ tre rất vui khi có "khách" đến?

3. Bài thơ tả dáng vẻ của mỗi loài chim đến bờ tre khác nhau thế nào? Ghép đúng:

a) Đàn cò	1) đứng im như tượng đá
b) Bác bồ nông	2) hạ cánh reo mừng
c) Chú bói cá	3) gật gù ca hát
d) Bầy chim cu	4) bay xuống rồi vụt bay lên

4. Câu thơ nào cho thấy bầy chim cu rất thích bờ tre?

- Học thuộc lòng 10 dòng thơ đầu.

LUYỆN TẬP

1. Bộ phận in đậm trong những câu sau trả lời cho câu hỏi nào?

a) Chú bói cá đỗ **trên cành tre**.

b) Đàn cò trắng đậu **trên ngọn tre**.

c) **Bên bờ tre**, bác bồ nông đứng im như tượng đá.

2. Đặt một câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Chim rừng Tây Nguyên* (từ "Chim đại bàng..." đến "... hoà âm.")

2. Tìm chữ phù hợp với ô trống: **c** hay **k**, **ng** hay **ngh**?

Chim gáy ☐éo đàn về mùa gặt. Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ☐âm, ngơ ☐ác nhìn xa. Chàng chim gáy nào giọng ☐e càng trong, càng dài thì quanh ☐ổ càng được đeo nhiều vòng ☐ườm đẹp.



Theo TÔ HOÀI

(3). Tìm từ ngữ:

a) Là tên loài chim, có tiếng bắt đầu bằng **s**. (M) sâm cầm









b) Có vần **uc** hoặc **ut**, có nghĩa như sau:

– Đồ dùng để viết, kẻ, vẽ thành nét.

– Dùng xẻng lấy đất, đá, cát,...

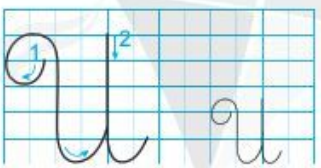
– Loài cây cùng họ với cây tre nhưng nhỏ hơn, gióng thẳng.

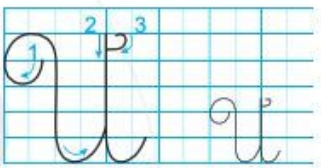




4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:





b) Viết ứng dụng: Uống nước nhớ nguồn.



BÀI ĐỌC 2

Chim sơn ca và bông cúc trắng

1. Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú sơn ca sà xuống bên bông cúc. Chim véo von mãi rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm.





Cánh Diều

2. Nhưng sáng hôm sau, khi vừa xoè cánh đón bình minh, bông cúc đã nghe thấy tiếng sơn ca buồn thảm. Thì ra sơn ca đã bị nhốt trong lồng.

3. Bỗng có hai cậu bé đi vào vườn, cắt cả đám cỏ lẫn bông cúc, bỏ vào lồng sơn ca. Con chim bị cầm tù, họng khô bỏng vì khát. Nhưng dù khát, nó vẫn không đụng đến bông hoa.

Tối rồi, chẳng ai cho con chim khốn khổ một giọt nước. Đêm ấy, sơn ca lìa đời. Bông cúc héo lả đi vì thương xót.



4. Sáng hôm sau, thấy sơn ca đã chết, hai cậu bé đặt con chim vào một chiếc hộp rất đẹp và chôn cất thật long trọng. Tội nghiệp con chim! Khi nó còn sống và ca hát, các cậu đã để mặc nó chết vì đói khát. Còn bông hoa, giá các cậu đừng ngắt nó thì hôm nay chắc nó vẫn đang tắm nắng Mặt Trời.

Theo AN-ĐÉC-XEN (Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn dịch)

– *Véo von*: (âm thanh) cao, trong trẻo.
– *Cầm tù*: giam giữ.
– *Long trọng*: đầy đủ nghi lễ, rất trang nghiêm.

ĐỌC HIỂU

1. Đoạn 1 giới thiệu những nhân vật nào của câu chuyện?

2. Chuyện gì đã xảy ra vào ngày hôm sau:

a) Với chim sơn ca?

b) Với bông cúc trắng?

3. Hành động của hai cậu bé đã gây ra chuyện gì đau lòng?

LUYỆN TẬP

1. Giả sử một cậu bé trong câu chuyện trên không muốn bắt chim sơn ca, cậu sẽ từ chối thế nào khi bạn rủ đi bắt chim? Chọn câu trả lời em thích:

a) Cậu đừng bắt chim! Hãy để nó tự do!

b) Không, tớ không bắt chim đâu! Tội nghiệp nó!

c) Chim đang bay nhảy tự do, tại sao lại bắt nó? Đừng làm vậy!

2. Hãy nói 1 – 2 câu thể hiện thái độ đồng tình với ý kiến trên.



TRAO ĐỔI – KỂ CHUYỆN

1. Nói và đáp lại lời từ chối trong các tình huống sau:

a) Bông cúc (truyện *Chim sơn ca và bông cúc trắng*) thấy sơn ca đói khát, tha thiết nói: "Bạn hãy ăn tôi đi!". Chim sơn ca sẽ trả lời thế nào? Bông cúc đáp lại thế nào?

b) Có mấy bạn rủ em trèo lên cây bắt chim non trong tổ chim. Em trả lời thế nào? Các bạn đáp lại thế nào?

2. Nghe và kể lại mẩu chuyện sau:

Con quạ thông minh

Ngụ ngôn Ê-đốp



Gợi ý

a) Con quạ khát nước đi tìm nước vất vả như thế nào?

b) Quạ đã tìm thấy nước ở đâu?

c) Vì sao quạ không thể uống được nước ở đó?

d) Quạ đã nghĩ ra kế gì để uống được nước?

BÀI VIẾT 2

1. Nói về hoạt động của bạn nhỏ trong một bức tranh em thích.

Gợi ý

– Bạn nhỏ đang làm gì?

– Vẻ mặt bạn thế nào?

– Các con vật trông thế nào?

– Đặt tên cho bức tranh.







2. Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết 4 – 5 câu về hoạt động của bạn nhỏ trong bức tranh em thích.

Thông điệp từ loài chim

1. Hãy thay lời một chú chim nhỏ, viết 4 – 5 câu nhắn nhủ những điều chim muốn nói tới mọi người.

Gợi ý

– Các loài chim chúng tôi rất có ích.

– Hãy bảo vệ các loài chim (cho chim ăn, vui chơi cùng đàn chim, không bắn chim, không phá tổ chim,...).

2. Làm một con chim theo hướng dẫn dưới đây. Viết (hoặc dán) lời chim muốn nói lên đó.

(1) Vật liệu: bìa giấy hoặc lá dừa, dài khoảng 45 xăng-ti-mét, rộng 5 xăng-ti-mét.

45 cm x 5 cm



(2) Luồn hai đầu mảnh bìa vào nhau, giống như buộc dây.



(3) Nhìn mẫu (con chim a), dùng kéo tạo thành đầu, mỏ và đuôi chim.

(4) Dùng bút dạ màu hoặc cắt giấy màu tạo thành mắt chim.



(5) Nhìn mẫu (con chim b), cắt thêm đôi cánh, dán hai bên thân chim.



Cánh Diều

Em cũng có thể cắt, dán một con chim theo cách sau và viết lời chim muốn nói lên thân chim.



3. Trưng bày, bình chọn những sản phẩm đẹp, có lời viết hay.

TỰ ĐÁNH GIÁ

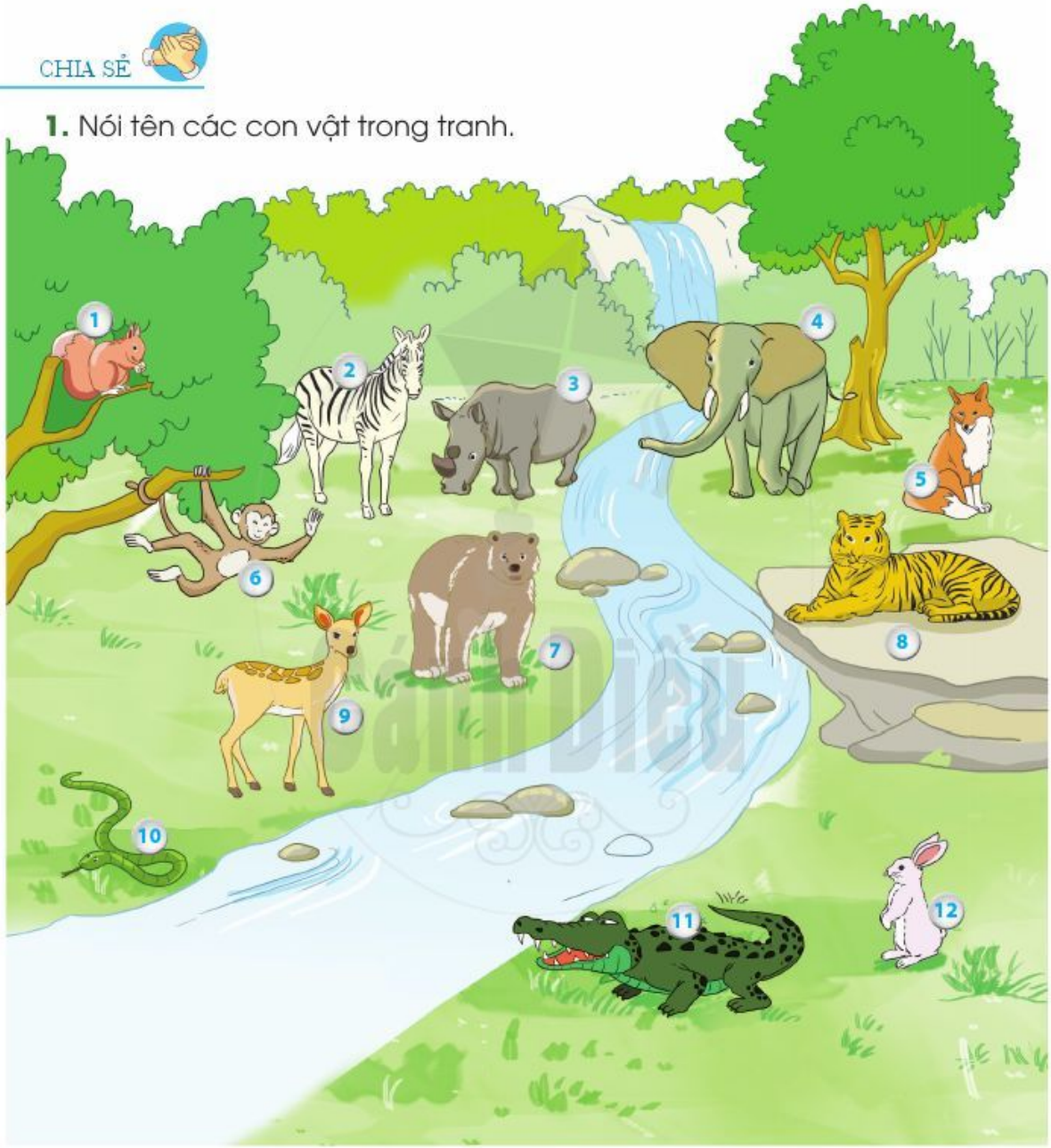
Sau Bài 23 và Bài 24, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy tự đánh giá theo bảng dưới đây:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa Ê, U, Ư	a) Viết các chữ hoa Ê, U, Ư
b) Câu hỏi *Ở đâu?*	b) Hỏi và trả lời câu hỏi *Ở đâu?*
c) Đồng ý và từ chối	c) Nói và đáp lời đồng ý, lời từ chối
d) Hướng dẫn hoạt động	d) Làm sản phẩm mang thông điệp bảo vệ loài chim theo hướng dẫn
e) Truyện, thơ, văn miêu tả, tranh ảnh về loài chim	e) Quan sát, nhận xét và viết về đồ vật, đồ chơi hình loài chim hoặc tranh ảnh loài chim

Bài 25 Thế giới rừng xanh

CHIA SẺ

1. Nói tên các con vật trong tranh.

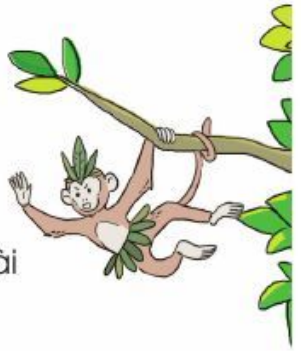


2. Xếp tên các con vật trên vào nhóm thích hợp:

– Con vật dữ, nguy hiểm. M hổ

– Con vật hiền, không nguy hiểm. M thỏ





Sư tử xuất quân

Sư tử bàn chuyện xuất quân
Muốn sao cho khắp thần dân trổ tài
Nhỏ to, khoẻ yếu muôn loài
Ai ai cũng được tuỳ tài lập công:
Voi vận tải, gấu xung phong
Cáo nhiều mưu kế, ngồi trong luận bàn
Lừa địch – chú khỉ khôn ngoan
Còn anh lừa thét cho vang như kèn
Doạ quân địch giữa trận tiền
Chú thỏ nhanh nhẹn – giao liên tài tình.

Nhà vua hiểu rõ quân mình
Nhìn người giao việc thông minh, đúng tài.

LA PHÔNG-TEN (Minh Đức lược dịch)









– *Xuất quân*: đưa quân đi đánh giặc.
– *Thần dân*: người dân ở nước có vua.
– *Giao liên*: liên lạc.

ĐỌC HIỂU

1. Sư tử giao việc cho thần dân với mong muốn thế nào?

2. Tìm ví dụ để thấy sư tử giao việc rất phù hợp với đặc điểm của thần dân.

M Sư tử giao cho voi việc vận tải vì voi chở đồ đạc rất khoẻ.

3. Nếu được đặt một tên khác cho câu chuyện, em sẽ chọn tên nào?

a) Ông vua khôn ngoan

b) Nhìn người giao việc

c) Ai cũng có ích

LUYỆN TẬP

1. Ghép đúng:

A	B
a) khoẻ như	1) sên
b) yếu như	2) voi
c) nhanh như	3) rùa
d) chậm như	4) sóc
e) hiền như	5) cọp
g) dữ như	6) nai







2. Em cần đặt **dấu phẩy** vào những chỗ nào trong câu sau?

Hổ báo hoa mai tê giác gấu ngựa gấu chó là những động vật quý hiếm, cần được bảo vệ.



báo hoa mai



tê giác



gấu ngựa



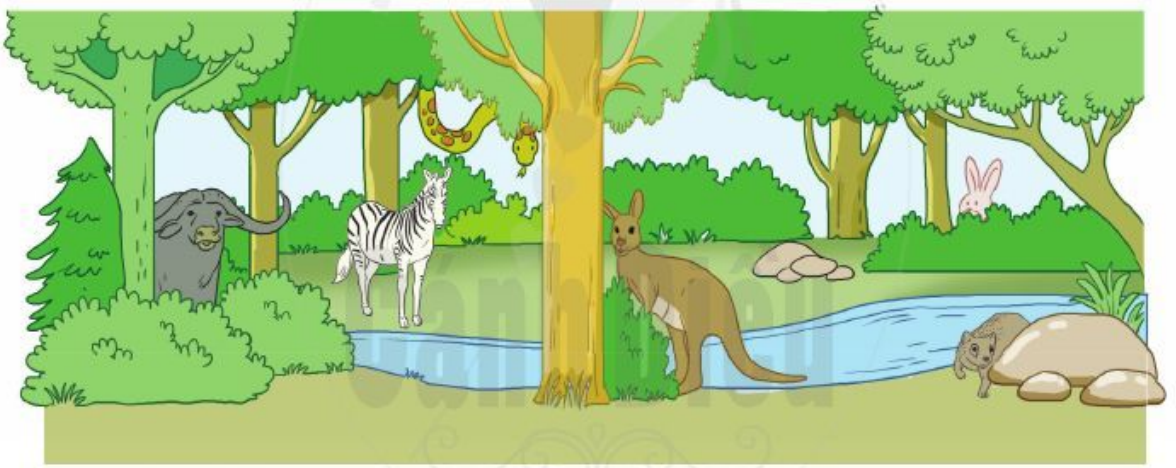
gấu chó

BÀI VIẾT 1

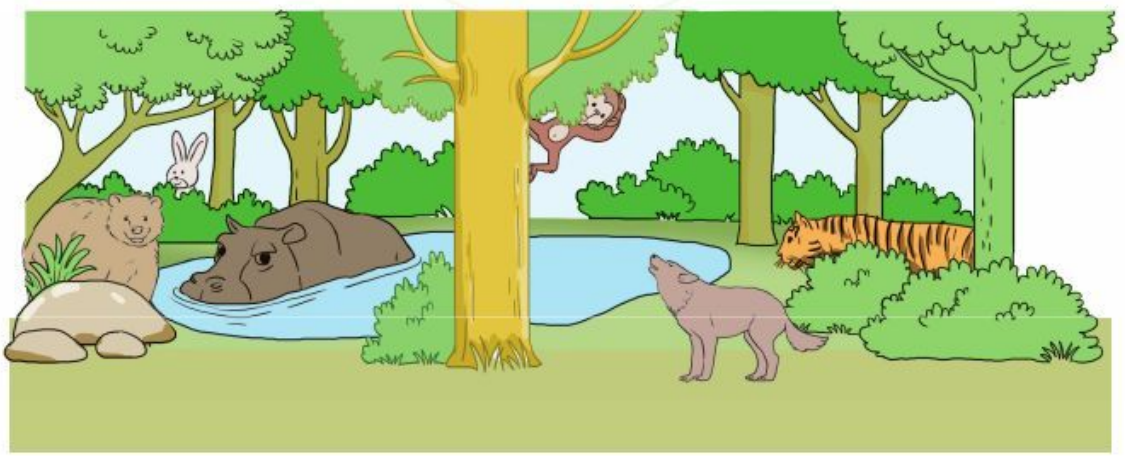
1. Nghe – viết: *Sư tử xuất quân* (6 dòng đầu)

(2). Tìm và viết tên các con vật:

a) Bắt đầu bằng chữ **ch** hoặc **tr**.

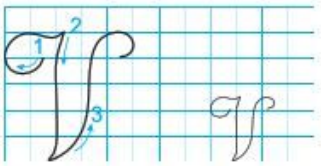


b) Có **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã**.



3. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Vững như kiềng ba chân.

BÀI ĐỌC 2

Động vật "bế" con thế nào?



1. Mèo, hổ, báo, sư tử,... tha con giống như tha con mồi. Chúng dùng răng ngoạm chặt da cổ của con rồi giữ con lủng lẳng trên suốt đường đi. Nhưng chúng ngoạm rất khéo để không làm đau, làm rơi con.

2. Cá sấu có hàm răng sắc nhọn nhưng "bế" con cũng rất khéo. Cá sấu mẹ tha từng đứa con trong miệng đến nơi nó muốn mà không làm đau con.





3. Chuột túi, gấu túi "địu" con trong chiếc túi trước bụng.

Cánh Diều

4. Gấu túi con trên 6 tháng tuổi phải tự bám chắc vào lưng mẹ khi mẹ di chuyển thoăn thoắt trên các cành cây.





5. Thiên nga mẹ "cõng" con trên lưng, bơi đi đây đi đó.

6. Nhưng không phải con vật nhỏ nào cũng được "bế". Ngựa con, hươu con, voi con, tê giác con,... thì từ bé đã phải tự đi theo mẹ.

Theo LÊ QUANG LONG, NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

– *Chuột túi*: tức kang-gu-ru, loài thú lớn có túi da trước bụng để nuôi con nhỏ.
– *Gấu túi*: tức kô-a-la, loài thú nhỏ có túi da trước bụng để nuôi con nhỏ.

ĐỌC HIỂU

1. Kể tên những con vật có cách tha con giống như tha mồi.
2. Những con vật nào cõng hoặc địu con bằng lưng, bằng chiếc túi da ở bụng?
3. Những con vật nhỏ nào không được tha, địu hay cõng mà phải tự đi theo mẹ?

LUYỆN TẬP

Dựa vào thông tin từ bài đọc, em hãy hoàn thành bảng sau:

Động vật "bế" con

Số thứ tự	Con gì?	"Bế" con bằng cách nào?	Sử dụng bộ phận nào của cơ thể?
1	Mèo, sư tử,...	ngoạm	răng, miệng

TRAO ĐỔI

1. Cùng bạn thực hành nói lời từ chối và đáp lại lời từ chối trong các tình huống sau:

a) Bạn rủ em hái hoa trong công viên.

b) Bạn rủ em trêu chọc một con vật trong vườn thú.

c) Em rủ anh (chị) chơi trò ném thú bông trong nhà.

2. Quan sát:

a) Mang đến lớp đồ vật, đồ chơi hình một loài vật (hoặc tranh ảnh loài vật) mà em yêu thích.

b) Quan sát đồ vật, đồ chơi (tranh ảnh) và ghi lại kết quả quan sát.











c) Nói lại với các bạn kết quả quan sát:



Gợi ý

– Tên đồ chơi: gấu bông.

– Đặc điểm của đồ chơi:

+ Con vật được làm bằng bông, to bằng cái bình hoa.

+ Toàn thân nó màu nâu nhạt, mắt đen, mũi đen, khuôn mặt rất xinh và thân thiện.

– Tình cảm của em với con vật: em rất thích con vật này, em thường ôm nó ngủ.

BÀI VIẾT 2

Dựa vào những điều đã quan sát và trao đổi với bạn ở tiết học trước, hãy viết 4 – 5 câu về đồ vật, đồ chơi hình một loài vật (hoặc tranh ảnh loài vật). Đặt tên cho đoạn văn của em.

Con ngựa gỗ màu đỏ

Ở nhà em có một con ngựa gỗ đồ chơi màu đỏ rất đẹp.....

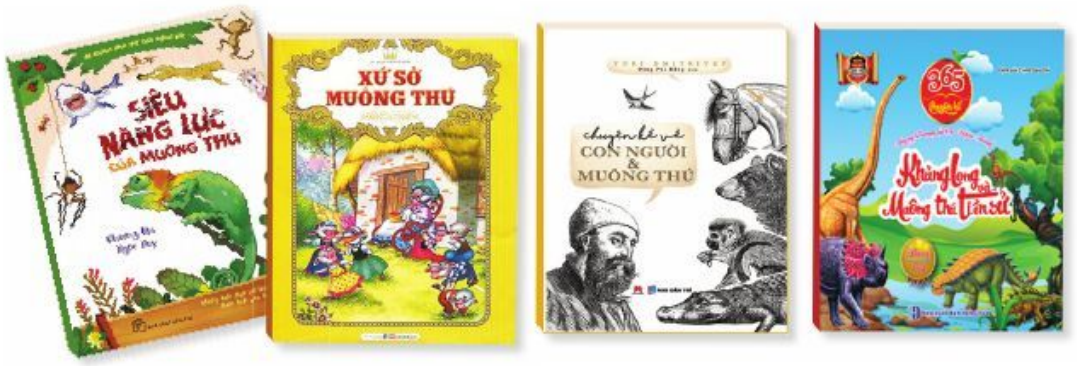
.....



TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về các loài vật

1. Em mang đến lớp quyển sách, bài báo viết về các loài vật.



2. Giới thiệu sách, báo với các bạn trong nhóm.

3. Tự đọc một truyện (hoặc bài thơ, bài báo) trong quyển sách, tờ báo em mang đến.

M

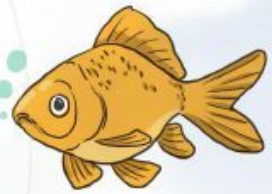
Các con vật



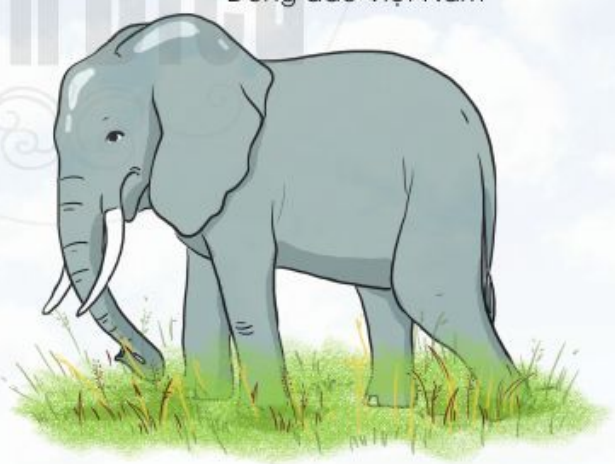


Con cua mà có hai càng
Đầu, tai không có, bò ngang cả đời
Con cá mà có cái đuôi
Hai vây ve vẩy, nó bơi rất tài
Con rùa mà có cái mai
Cái cổ thụt ngắn, thụt dài vào ra
Con voi mà có hai ngà
Cái vòi nó cuốn đổ nhà đổ cây
Con chim mà có cánh bay
Bay cùng nam, bắc, đông, tây tỏ tường.

Đồng dao Việt Nam







Tỏ tường: biết rõ.

4. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một đoạn truyện, một bài thơ, bài báo) em vừa đọc.

Bài 26 Muôn loài chung sống

CHIA SẺ

1. Đây là những con vật nào?



a) Con gì có bướu trên lưng
Trời nắng cổ khát, vẫn băng đường dài?

b) Con gì sống mũi mọc sừng
Mình mặc áo giáp, khoẻ không ai bằng?



c) Con gì đuôi ngắn tai dài
Mắt hồng, lông mượt, có tài chạy nhanh?

d) Chuyền cành mau lẹ
Có cái đuôi bông
Hạt dẻ thích ăn
Con gì thế nhỉ?





2. Đọc thơ hoặc hát về một con vật sống trong rừng.

BÀI ĐỌC 1

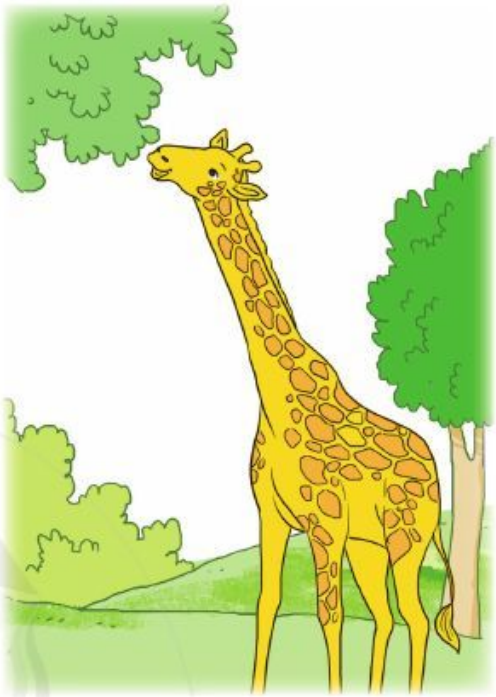
Hươu cao cổ

1. Không con vật nào trên Trái Đất thời nay có thể sánh với hươu cao cổ về chiều cao. Chú hươu cao nhất cao tới gần... 6 mét, tức là chú ta có thể ngó được vào cửa sổ tầng hai của một ngôi nhà.

2. Chiếc cổ dài của hươu cao cổ giúp hươu với tới những cành lá trên cao và dễ dàng phát hiện kẻ thù. Nó chỉ bất tiện khi hươu cúi xuống thấp. Khi đó, hươu cao cổ phải xoạc hai chân trước thật rộng mới cúi được đầu xuống vũng nước để uống.

3. Hươu cao cổ không bao giờ tranh giành thức ăn hay nơi ở với bất kì loài vật nào. Trên đồng cỏ, hươu cao cổ sống hoà bình với nhiều loài vật ăn cỏ khác như linh dương, đà điểu, ngựa vằn,...

Theo sách *Bí ẩn thế giới loài vật*



– *Bất tiện*: không thuận tiện.
– *Tranh giành*: tranh nhau để giành lấy.

ĐỌC HIỂU

1. Hươu cao cổ cao như thế nào?

2. Chiều cao của hươu cao cổ có gì thuận tiện và có gì bất tiện?

3. Hươu cao cổ sống với các loài vật khác như thế nào?

LUYỆN TẬP

1. Dấu câu nào phù hợp với ô trống: **dấu chấm** hay **dấu phẩy**?

Hươu cao cổ rất hiền lành nó sống hoà bình thân thiện với nhiều loài vật ăn cỏ khác.

2. Em cần đặt **dấu phẩy** còn thiếu vào những chỗ nào trong đoạn văn sau?

Một năm, Trời làm hạn hán, cây cỏ chim chóc muông thú đều khát nước. Cóc cùng các bạn cua ong cáo gấu và cọp quyết lên thiên đình kiện Trời. Cuối cùng, Trời phải cho mưa xuống khắp trần gian.

Theo truyện dân gian Việt Nam

1. Nghe – viết

Con sóc

Trong hốc cây có một chú sóc. Sóc có bộ lông màu xám nhưng dưới bụng lại đỏ hung, chóp đuôi cũng đỏ. Đuôi sóc xù như cái chổi và hai mắt tinh nhanh. Sóc không đứng yên lúc nào, thoắt trèo, thoắt nhảy.

Theo NGÔ QUÂN MIỆN



(2). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **r**, **d** hay **gi**?

Dê con □eo hạt cải củ. Hạt mọc thành cây. Nhìn luống cải chạy □ài, dê thích lắm. Nhưng vì hay sốt □uột, ngày nào nó cũng nhổ từng cây lên xem đã có củ chưa □ồi lại trồng xuống. Thế là vườn cải héo □ũ.

Phỏng theo sách *Chuyện của mùa hạ*

b) Vần **ưc** hay **ưt**?

Gấu ôm cái vò đi kiếm mật ong. Có một bọng mật ong thơm n□ trên cây. Gấu háo h□ trèo lên nhưng bầy ong đã bu quanh. Gấu bực t□, đập rối rít. Bầy ong vẫn xông vào. Gấu v□ cả vò, bỏ đi.

(3). Em chọn tiếng nào trong ngoặc đơn để điền vào ô trống?

a) (dẻ, giẻ, rẻ):

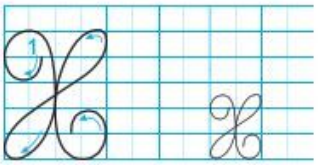
giá □ □ lau hạt □

b) (nức, nứt):

□ nẻ □ nở thơm □

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Xuân về, rừng thay áo mới.

BÀI ĐỌC 2

Ai cũng có ích

1. Trong khu rừng nọ, các con vật đều bận rộn. Hằng ngày, chim gõ kiến gõ gõ, đục đục, chữa bệnh cho cây. Khỉ con thì đu từ cây này sang cây khác, giật những dây leo chằng chịt xuống để cây không vướng víu. Sóc con vùi những hạt thông xuống lớp đất mềm. Chờ mưa đến, những cây thông non sẽ vươn lên...



2. Chỉ có voi con là chẳng biết làm gì. Một hôm, voi bị cành cây khô trên mặt đất vướng vào chân. Nó liền dùng chiếc mũi dài của mình cuốn cành cây lên, vứt ra xa, rồi hớn hở bảo các bạn:

– Tớ phát hiện ra mình có chiếc mũi...

Các bạn đều cười:

– Sao bây giờ bạn mới biết mình có mũi?

– Ý tớ là bây giờ mới biết mũi tớ rất có ích. Thật tuyệt!

3. Từ đó, voi dùng chiếc mũi của mình dọn sạch những cành cây khô rơi rụng ngang dọc trong rừng, tạo ra rất nhiều chỗ trống cho sóc trồng cây. Không lâu sau, từ những chỗ đất trống mọc lên nhiều mầm cây xanh tốt.



Theo sách *100 truyện ngụ ngôn hay nhất*

Chiếc mũi dài: vòi voi (phần mũi rất dài của con voi, có thể cuộn tròn lại để lấy và giữ đồ vật).

ĐỌC HIỂU

1. Chim gõ kiến, khỉ và sóc làm gì để chăm sóc cây và trồng cây?

2. Điều gì giúp voi phát hiện ra ích lợi của chiếc mũi dài?

3. Voi đã dùng chiếc mũi dài làm gì để cùng các bạn trồng cây?

4. Câu chuyện trên nói với em điều gì? Chọn ý em thích:

a) Các con vật trong truyện đều có ích.

b) Trong cuộc sống, ai cũng có thể làm được việc tốt.

c) Biết điểm mạnh của mình thì sẽ làm được việc tốt.

LUYỆN TẬP

1. Tìm trong bài đọc:

a) Một câu dùng để kể, có dấu chấm.

b) Một câu dùng để hỏi, có dấu chấm hỏi.

c) Một câu để bộc lộ cảm xúc, có dấu chấm than.

2. Dấu câu nào phù hợp với mỗi ô trống: **dấu chấm**, **dấu chấm hỏi** hay **dấu chấm than**?

Trời nắng gắt, ong vẫn say sưa hút nhụy hoa☐ Bướm bay qua, hỏi: "Sao chị không nghỉ một chút☐". Ong đáp: "Nắng thế này mật mới ngon, em ạ.". Bướm bảo: "Chắc vì vậy mà mật của chị ngon tuyệt☐".

KỂ CHUYỆN

1. Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện *Ai cũng có ích*:



Hằng ngày, chim gõ kiến và khỉ làm gì?



Sóc vùi hạt thông xuống đất làm gì?



Voi con phát hiện ra điều gì thú vị?



Từ đó, hằng ngày voi con làm gì với các bạn?

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

BÀI VIẾT 2

1. Em hãy chọn những từ ngữ phù hợp với ô trống để hoàn thành bản nội quy dưới đây:

mua

vệ sinh chung

thức ăn lạ

trêu chọc



– *Bảo tồn*: giữ lại, không để mất đi.

– *Quản lí*: trông coi và giữ gìn.

2. Để khách tham quan không gặp nguy hiểm khi đến thăm chuồng nuôi thú dữ, theo em, cần bổ sung vào nội quy vườn thú những điều nào dưới đây?

a) Đứng cách hàng rào bảo vệ 3 mét.

b) Không trèo qua hàng rào bảo vệ.

c) Trẻ em dưới 12 tuổi phải đi cùng người lớn.



NỘI QUY KHI THĂM THÚ DỮ

1. ■

2. ■

GÓC SÁNG TẠO

Khu rừng vui vẻ



1. Viết 4 – 5 câu về một khu rừng vui vẻ, có cây xanh và các loài vật sống thân thiện với nhau.

Gợi ý

– Cây cối trong rừng thế nào?

– Khu rừng có những con vật nào? Chúng đang làm gì?

– Em thích con vật nào nhất? Vì sao em thích con vật đó?

2. Tập hợp bài viết, vẽ (hoặc cắt dán) tranh minh hoạ theo tổ học tập.



3. Giới thiệu và bình chọn sản phẩm có nội dung hay, hình ảnh đẹp.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau Bài 25 và Bài 26, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy tự đánh giá theo bảng dưới đây:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa V, X	a) Viết các chữ hoa V, X
b) Từ ngữ về loài vật	b) Sử dụng từ ngữ về loài vật
c) Nội quy vườn thú	c) Bổ sung thông tin vào nội quy vườn thú
d) Truyện, thơ, văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về loài vật	d) – Quan sát, nhận xét và viết về đồ vật, đồ chơi hình con vật hoặc tranh ảnh con vật – Viết, vẽ, cắt dán tranh *Khu rừng vui vẻ*

Bài 27 ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Đánh giá và luyện tập tổng hợp

Tiết 1, 2

Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng: Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, đoạn thơ khoảng 60 tiếng hoặc đọc thuộc lòng một đoạn thơ (bài thơ) đã học.

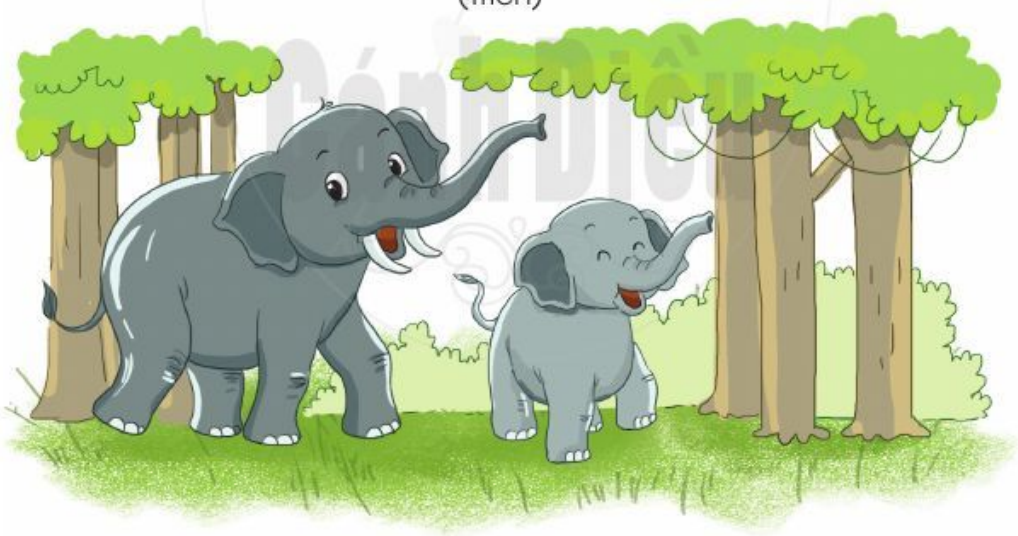
Tiết 3, 4

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Đọc và làm bài tập

Con vỏi con voi

(Trích)



Bạn sinh ở Thủ đô
Rừng là gì, chửa biết
Mời bạn đến công viên
Xem voi là hiểu hết:
Rừng là... cây xúm xít
Nên voi mới có vòi
Vướng cành, voi bẻ "rắc"
Trong rừng đi như chơi.

Đường rừng lắm loại gai
Lòng suối nhiều đá sắc
Nên da voi rất dày
Chân đạp gì cũng nát.

Tai voi là cái quạt
Muỗi rừng nhiều, quạt bay
Rừng cũng còn kẻ ác
Nên ngà voi phải dài!

Cuối cùng là cái đuôi
Vì ở rừng vắng vẻ
Voi cũng buồn một tị
Có đuôi làm... đồ chơi!

NGUYỄN HOÀNG SƠN



Chửa biết: chưa biết.

1. Đọc các khổ thơ 2, 3, 4 và cho biết:

a) Mỗi khổ thơ nói về những bộ phận nào của con voi?

b) Bộ phận ấy có đặc điểm gì?

c) Theo tác giả, vì sao bộ phận ấy có đặc điểm như vậy?

2. Đọc khổ thơ 5 và cho biết:

a) Theo tác giả, vì sao con voi có đuôi?

b) Qua cách giải thích của tác giả, em thấy con voi giống ai?

c) Em có cách giải thích nào khác không?

3. Dựa vào bài thơ, nói 3 – 4 câu tả con voi.

4. Nghe – viết: *Con vỏi con voi* (2 khổ thơ đầu)

Tiết 5, 6

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Đọc và làm bài tập

Cây đa quê hương



1. Cây đa nghìn năm đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng tôi.

2. Đó là cả một toà cổ kính hơn là một thân cây. Chín, mười đứa trẻ chúng tôi bắt tay nhau ôm không xuể. Cành cây lớn hơn cột đình. Ngọn chót vót giữa trời xanh. Rễ cây nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang giận dữ. Trong vòm lá, gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì tưởng chừng như ai đang cười đang nói.

3. Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát. Lúa vàng gợn sóng. Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu ra về, lững thững từng bước nặng nề. Bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng.

Theo NGUYỄN KHẮC VIỆN

– *Cổ kính*: cũ và có vẻ đẹp trang nghiêm.
– *Chót vót*: (cao) vượt lên hẳn những vật xung quanh.
– *Lững thững*: (đi) chậm, từng bước một.

1. Câu văn nào cho biết cây đa đã sống rất lâu?

2. Các bộ phận của cây đa được tả bằng những hình ảnh nào? Ghép đúng:

a) Thân cây	1) lớn hơn cột đình
b) Cành cây	2) chót vót giữa trời xanh
c) Ngọn cây	3) chín, mười đứa trẻ ôm không xuể
d) Rễ cây	4) nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang

Cánh Diều

3. Ngồi hóng mát dưới gốc đa, tác giả và bạn bè còn thấy những cảnh đẹp nào của quê hương?

4. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm:

a) Lúa vàng **gợn sóng**.

b) Cành cây **lớn hơn cột đình**.

c) Đám trẻ **ngồi dưới gốc đa hóng mát**.

5. Đặt câu theo mẫu *Ai thế nào?* để:

a) Nói về cây đa trong bài đọc trên.

b) Nói về tình cảm của tác giả với quê hương.

Tiết 7, 8

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Luyện tập

1. Nghe, kể lại mẩu chuyện sau:

Bác sóc đãng trí

365 chuyện kể mỗi ngày



Gợi ý

a) Bác sóc hay quên như thế nào?

b) Ai khuyên bác sóc nên ghi việc đã làm vào sổ và tặng bác một quyển sổ?

c) Bác sóc đã làm theo lời khuyên đó như thế nào?

d) Vì sao quyển sổ ấy vẫn không giúp được bác sóc?

2. Em cần đặt **dấu chấm** vào những chỗ nào để ngắt đoạn văn sau thành 3 câu? Chữ đầu câu cần viết thế nào?

Con mèo rơi từ gác cao đến đâu cũng đặt được cả bốn chân

xuống trước con chó chỉ đánh hơi cũng biết người lạ, người quen chim bồ câu dù thả xa nhà hàng chục ngày đường, vẫn bay được về đúng cái tổ có hai lỗ cửa tròn treo lưng cau nhà mình.

Theo TÔ HOÀI



Đánh giá kĩ năng đọc hiểu và viết

Tiết 9, 10

(Bài luyện tập)

A Đọc thầm và làm bài tập

Luỹ tre

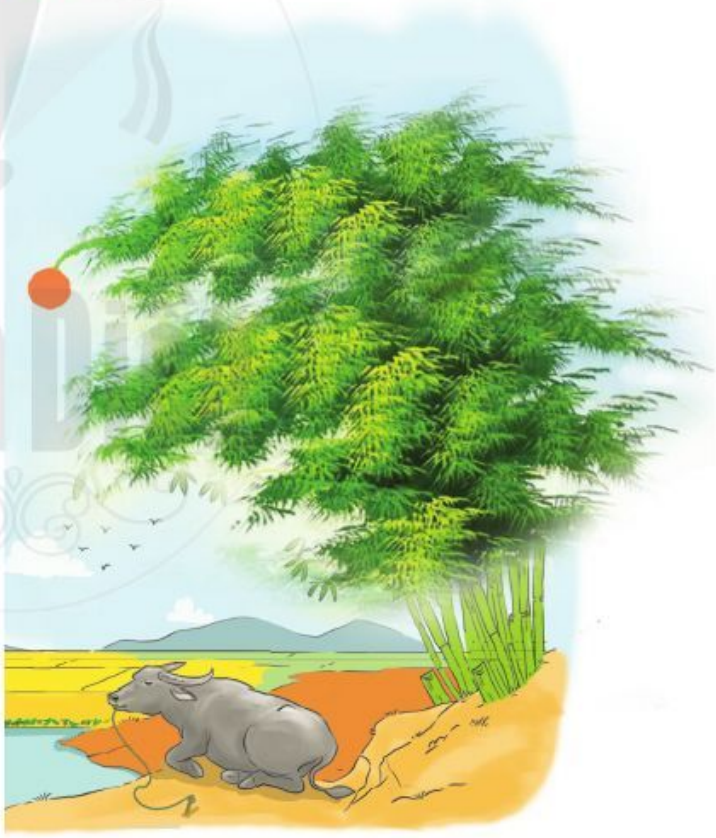
Mỗi sớm mai thức dậy,
Luỹ tre xanh rì rào,
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo Mặt Trời lên cao.

Những trưa đồng đầy nắng,
Trâu nằm nhai bóng râm
Tre bần thần nhớ gió
Chợt về đầy tiếng chim.

Mặt Trời xuống núi ngủ
Tre nâng vầng trăng lên
Sao, sao treo đầy cành
Suốt đêm dài thắp sáng.

Bỗng gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài luỹ tre
Đêm chuyển dần về sáng
Mầm măng đợi nắng về.

NGUYỄN CÔNG DƯƠNG



– *Rì rào*: những âm thanh êm nhẹ, phát ra đều đều, liên tiếp.
– *Gọng vó*: khung của chiếc vó (một dụng cụ đánh bắt tôm, cá).
– *Bần thần*: nét mặt biểu hiện sự mệt mỏi hoặc đang băn khoăn, lo nghĩ.

1. Mỗi khổ thơ tả luỹ tre vào buổi nào trong ngày? Nối đúng:

a) Khổ thơ 1	1) Tả luỹ tre vào buổi trưa.
b) Khổ thơ 2	2) Tả luỹ tre vào buổi sáng.
c) Khổ thơ 3	3) Tả luỹ tre vào rạng sáng.
d) Khổ thơ 4	4) Tả luỹ tre vào buổi tối.

2. Đánh dấu √ vào ô trống trước câu trả lời đúng:

a) Dòng thơ nào gợi tả một buổi sáng trời có gió?

- ☐ Mỗi sớm mai thức dậy
- ☐ Luỹ tre xanh rì rào
- ☐ Ngọn tre cong gọng vó
- ☐ Kéo Mặt Trời lên cao

b) Dòng thơ nào gợi tả một buổi trưa trời lặng gió?

- ☐ Những trưa đồng đầy nắng
- ☐ Trâu nằm nhai bóng râm
- ☐ Tre bần thần nhớ gió
- ☐ Chợt về đầy tiếng chim

c) Em hiểu nội dung bài thơ thế nào?

- ☐ Bài thơ chỉ tả luỹ tre.
- ☐ Bài thơ chỉ tả cảnh vật ở nông thôn.
- ☐ Bài thơ nói lên tình yêu với luỹ tre, với quê hương.

3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm:

a) Luỹ tre xanh **rì rào trước gió**.

b) Trâu **nằm nghỉ dưới bóng tre**.

c) **Sao đêm** như những ngọn đèn thắp sáng trên cành tre.

4. Đặt 2 câu tả luỹ tre:

a) Một câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Khi nào?*.

b) Một câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*.

Cánh Diều

B Viết

1. Nghe – viết

Hoa đào, hoa mai

Hoa đào ưa rét
Lấm tấm mưa bay
Hoa mai chỉ say
Nắng pha chút gió.

Hoa đào thắm đỏ
Hoa mai dát vàng
Thoắt mùa xuân sang
Thi nhau rộ nở...

Mùa xuân hội tụ
Niềm vui nụ, chồi
Đào, mai nở rộ
Đẹp hai phương trời.

LỆ BÌNH



2. Hãy viết 4 – 5 câu về một đồ vật, đồ chơi em yêu thích.

Gợi ý

– Đó là đồ vật, đồ chơi gì (cặp sách, bàn học, gối bông hình con vật; đồ chơi hình con vật bằng bông hoặc bằng nhựa, lá, gỗ,...)?
– Đặc điểm (hoặc tác dụng) của đồ vật, đồ chơi đó.
– Tình cảm của em với đồ vật, đồ chơi đó.



chó bông



trâu lá đa



thỏ bông



cặp sách

Bài 28 Các mùa trong năm

CHIA SẺ

1. Mỗi bức tranh dưới đây thể hiện mùa nào trong năm? Vì sao em biết?



2. Nơi em ở có mấy mùa? Đó là những mùa nào? Thời tiết của mỗi mùa thế nào (nóng hay lạnh, nhiều mưa hay nhiều nắng,...)?

Chuyện bốn mùa



1. Một ngày đầu năm, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau. Đông cầm tay Xuân bảo:

– Chị về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc. Ai cũng yêu quý chị.

2. Xuân nói:

– Nhưng phải có nắng của em Hạ thì cây trong vườn mới đơm trái ngọt. Có em Hạ, các cô cậu học trò mới được nghỉ hè.

3. Cô nàng Hạ tinh nghịch xen vào:

– Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Không có Thu, làm sao có đêm trăng rước đèn, phá cỗ...

4. Đông giọng buồn buồn:

– Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông, thủ thỉ:

– Có em mới có giấc ngủ ấm trong chăn. Sao mọi người lại không thích em được?

5. Bốn nàng tiên mải chuyện trò, không biết bà Đất đã đến bên cạnh. Bà vui vẻ góp chuyện:

– Các cháu mỗi người một vẻ. Xuân làm cho cây lá tươi tốt. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, cho học sinh nhớ ngày tựu trường. Đông ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

Theo TỪ NGUYÊN TĨNH

Ghép từ ngữ ở bên A với nghĩa phù hợp ở bên B:

A	B
a) Đâm chồi nảy lộc	1) nảy ra, sinh ra (từ cây cối)
b) Đơm	2) nuôi giữ trong lòng
c) Ấp ủ	3) mọc ra mầm non, lá non

ĐỌC HIỂU

1. Câu chuyện có mấy nàng tiên? Mỗi nàng tiên tượng trưng cho mùa nào?

2. Theo lời các nàng tiên, mỗi mùa có gì hay?

3. Theo lời bà Đất, mỗi mùa đều có ích, đều đáng yêu như thế nào?

LUYỆN TẬP

1. Sử dụng câu hỏi *Vì sao?*, hỏi đáp với bạn:

a) Vì sao mùa xuân đáng yêu?

b) Vì sao mùa hạ đáng yêu?

c) Vì sao mùa thu đáng yêu?

d) Vì sao mùa đông đáng yêu?

2. Em cần thêm **dấu phẩy** vào những chỗ nào trong 2 câu in nghiêng?

Mùa thu, con đường em đi học hằng ngày bỗng đẹp hẳn lên nhờ những cánh đồng hoa cúc. *Mỗi bông cúc xinh xắn dịu dàng lung linh như những tia nắng nhỏ. Còn bầu trời thì tràn ngập những tiếng chim trong trẻo ríu ran.*

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Chuyện bốn mùa* (từ "Các cháu mỗi người một vẻ..." đến "... đâm chồi nảy lộc.")

(2). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **ch** hay **tr**?

Trăng □òn như quả bóng
Lơ lửng □eo lưng trời
Gió đùa mây □e kín
Trăng □ốn vào mây □ơi.

NGUYỄN NGỌC HƯNG



b) Vần **êt** hay **êch**?

Ngoài thềm chênh ch□ trăng soi
Sợi vàng d□ với muôn loài cỏ cây
Chim rừng cũng m□, thôi bay
Chỉ còn tiếng □ đâu đây vọng về.

HOÀNG MINH

(3). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **ch** hay **tr**?

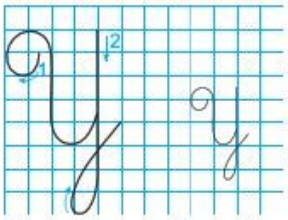
cây □e □e mưa □úc mừng cây □úc

b) Vần **êt** hay **êch**?

chênh l□ k□ quả trắng b□ ngồi b□

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa:



b) Viết ứng dụng: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

BÀI ĐỌC 2

Buổi trưa hè

(Trích)

Buổi trưa lim dim
Nghìn con mắt lá
Bóng cũng nằm im
Trong vườn êm ả.

Bò ơi, bò nghỉ
Sau buổi cày mai
Có gì ngẫm nghĩ
Nhai mãi, nhai hoài...

Hoa đại thơm hơn
Giữa giờ trưa vắng
Con bướm chập chờn
Vờn đôi cánh nắng.

Bé chưa ngủ được
Bé nằm bé nghe
Âm thầm rạo rực
Cả buổi trưa hè.

Con tằm ăn dâu
Nghe như mưa rào
Bà dậy thay lá
Tay già lao xao...

HUY CẬN



– *Chập chờn*: khi ẩn khi hiện, khi rõ khi không.

– *Lao xao*: từ gợi tả những tiếng động nhỏ xen lẫn vào nhau.

ĐỌC HIỂU

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh ở khổ thơ 1 tả buổi trưa hè yên tĩnh.

2. Giữa buổi trưa hè yên tĩnh có những hoạt động gì?

a) Hoạt động của con vật

b) Hoạt động của con người

3. Giữa buổi trưa hè, có thể nghe thấy âm thanh nào? Chọn ý đúng:

a) Tiếng tằm ăn dâu.

b) Tiếng mọi người lao xao.

c) Tiếng mưa rào.

4. Vì sao giữa buổi trưa hè có thể nghe thấy âm thanh nói trên? Chọn ý đúng:

a) Vì trưa hè rất nắng.

b) Vì trưa hè rất yên tĩnh.

c) Vì trưa hè nhiều gió.

LUYỆN TẬP

1. Tìm một từ chỉ hoạt động, một từ chỉ đặc điểm trong bài thơ *Buổi trưa hè*.

2. Hãy đặt một câu theo mẫu *Ai thế nào?* để nói về buổi trưa hè.

KỂ CHUYỆN

1. Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn (1, 2, 3, 4) của *Chuyện bốn mùa*.



Đông cầm tay Xuân, bảo...



Xuân dịu dàng nói...



3

Hạ tinh nghịch xen vào...



4

Thu đặt tay lên vai Đông...

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

BÀI VIẾT 2

1. Nói về một mùa em yêu thích.

Gợi ý

– Nơi em ở có mấy mùa? Đó là những mùa nào?
– Em thích mùa nào?
– Mùa đó có gì đặc biệt?
– Em thích làm gì trong mùa đó?

2. Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết 4 – 5 câu về một mùa em yêu thích.



Tôi thích mùa hè.
Mùa hè tôi được về quê.....
.....



Đọc sách báo viết về các mùa

1. Em hãy mang đến lớp một quyển sách, tờ báo viết về thời tiết, các mùa. Giới thiệu sách, báo với các bạn.



2. Tự đọc một truyện hoặc một bài thơ, bài báo.

Ⓜ

Mùa xuân

Ai gọi đàn chim én
Ai nhắc bầy ong vàng
Bé ơi, mùa xuân đấy
Nghìn đôi cánh rộn ràng.

Ai gọi mây trắng dậy
Ai đánh thức vườn đào
Bé ơi, mùa xuân đấy
Mùa xuân gọi muôn loài.

Mùa xuân là ai thế
Làm mọi người đều vui
Cảm ơn mùa xuân nhé!
Làm đẹp cả đất trời.

PHI TUYẾT BA



3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một đoạn truyện, một bài thơ, bài báo) em thích.

Bài 29 Con người với thiên nhiên

CHIA SẺ

1. Em làm gì để phòng tránh mưa, nắng, nóng, lạnh?



2. Em hoạt động, vui chơi như thế nào trong mỗi mùa?



Ông Mạnh thắng Thần Gió

1. Ngày xưa, loài người chưa biết làm nhà, phải ở hang núi. Về sau, nhiều người về đồng bằng và ven biển sinh sống. Đây là nơi Thần Gió hoành hành.

2. Một hôm, Thần Gió gặp một người tên là Mạnh. Thần xô ông ngã lăn quay, rồi bay đi với tiếng cười ngạo nghễ.

3. Từ đó, ông Mạnh quyết chống trả. Ông vào rừng lấy gỗ dựng nhà. Cả ba lần, nhà đều bị quật đổ. Cuối cùng, ông đẵn những cây gỗ lớn nhất làm cột, chọn những viên đá thật to làm tường, dựng một ngôi nhà thật vững chãi.

4. Ngôi nhà đã làm xong. Đêm ấy, Thần Gió đến đập cửa, thét:

– Mở cửa ra!

– Không! Sáng mai ta sẽ mời ông vào.



Thần Gió giận dữ, lồng lộn suốt đêm nhưng không thể xô đổ ngôi nhà.

5. Mấy tháng sau, Thần Gió đến nhà ông Mạnh, tỏ vẻ ăn năn. Ông Mạnh an ủi và mời Thần thỉnh thoảng tới chơi. Từ đó, Thần Gió thường

đến thăm ông, đem cho ngôi nhà không khí mát lành từ biển cả và hương thơm ngào ngạt của các loài hoa.

Phỏng theo A-NHÔNG (Hoàng Ánh dịch)



– *Đồng bằng*: vùng đất rộng, bằng phẳng.

– *Hoành hành*: làm nhiều điều ngang ngược trên khắp một vùng rộng, không kiêng nể ai.

– *Ngạo nghễ*: coi thường tất cả.

– *Đẫn*: chặt.

ĐỌC HIỂU

1. Truyện có những nhân vật nào?

2. Trong hai nhân vật:

a) Nhân vật nào tượng trưng cho sức mạnh của con người?

b) Nhân vật nào tượng trưng cho sức mạnh của thiên nhiên?

3. Chi tiết nào nói lên sức mạnh của con người?

4. Ông Mạnh trong câu chuyện đã làm gì để Thần Gió trở thành bạn của mình?

LUYỆN TẬP

1. Sử dụng câu hỏi *Vì sao?* để hỏi đáp với bạn về nội dung câu chuyện.

M – Vì sao Thần Gió phải chịu thua ông Mạnh?

– Vì ông Mạnh đã làm một ngôi nhà rất vững chãi.

2. Nói 1 – 2 câu thể hiện sự đồng tình của em với ông Mạnh:

a) Khi ông quyết làm một ngôi nhà thật vững chãi.

b) Khi ông kết bạn với Thần Gió.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Buổi trưa hè* (3 khổ thơ đầu)

(2). Tìm chữ hoặc dấu thanh phù hợp:

a) Chữ **r**, **d** hay **gi**?

Mùa gì ▢ịu nắng
Mây nhẹ nhàng bay
▢ó khẽ ▢ung cây
Lá vàng ▢ơi rụng?

Khuyết danh

b) **Dấu hỏi** hay **dấu ngã**?

Gió **ơ** rất xa, rất rất xa
Gió thích chơi thân với mọi nhà
Gió cù khe **khe** anh mèo mướp
Ru đàn ong mật đến thăm hoa...

NGÔ VĂN PHÚ



(3). Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:

a) (ra, da, gia):

▢ đình ▢ vào ▢ sức cặp ▢

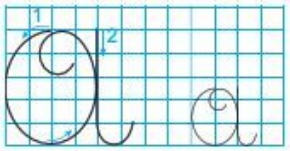
b) (vỏ, võ):

▢ cam múa ▢ ▢ trứng ▢ sĩ

Cánh Diều

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.

BÀI ĐỌC 2

Mùa nước nổi

1. Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ vì nước lên hiền hoà, chớ không dữ dội như những nơi khác. Nước mỗi ngày một dâng lên, cuồn cuộn đầy bờ. Mưa dầm dề, mưa sướt mướt ngày này qua ngày khác.



2. Rồi đến rằm tháng Bảy. "Rằm tháng Bảy nước nhảy lên bờ.". Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ, tràn qua cả mặt đường. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hoà lẫn với nước dòng sông Cửu Long.

Đồng ruộng, vườn tược và cây cỏ như biết giữ lại hạt phù sa ở quanh mình, nước lại trong dần. Ngồi trong nhà, ta thấy cả những đàn cá ròng ròng, từng đàn, từng đàn xuôi theo nước, vào tận đồng sâu.

Nước lên, nước tràn qua nền nhà. Lại phải lấy ván, lấy tre làm cầu từ cửa vào đến tận bếp. Vui quá! Có cả một cây cầu lắt lẻo ngay dưới mái nhà.

Theo NGUYỄN QUANG SÁNG

– *Cửu Long*: dòng sông lớn, chảy qua nhiều tỉnh ở miền Nam nước ta.
– *Cá ròng ròng*: cá lóc (cá chuối, cá quả) nhỏ.
– *Lắt lẻo*: đung đưa, do không có điểm tựa chắc chắn.

ĐỌC HIỂU

1. Bài văn tả mùa nước nổi ở vùng nào?

2. Vì sao người ta gọi đó là mùa nước nổi? Chọn ý đúng:

a) Vì nước dâng lên hiền hoà.

b) Vì nước lũ đổ về dữ dội.

c) Vì mưa dầm dề.

3. Tìm một vài hình ảnh về mùa nước nổi trong bài.

LUYỆN TẬP

1. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Thế nào?*:

a) Nước dâng lên cuồn cuộn.

b) Mưa dầm dề ngày này qua ngày khác.

2. Đặt một câu nói về mùa nước nổi theo mẫu *Ai thế nào?*.

TRAO ĐỔI

Nghe bản tin dự báo thời tiết của địa phương em và trả lời câu hỏi.

M

Dự báo thời tiết



(Ngày 20 - 4 - 2020)

Từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên Huế

Nhiệt độ thấp nhất từ 23 đến 26 độ C. Nhiệt độ cao nhất từ 34 đến 37 độ C. Trời có mây, ngày nắng nóng, gió nhẹ. Chiều tối và đêm có mưa rào và dông ở vài nơi. Trong cơn dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

Cánh Diều

– *Dự báo*: báo trước.

– *Lốc*: gió xoáy mạnh.

a) Nhắc lại những thông tin chính em nghe được:

– Nhiệt độ (cao nhất, thấp nhất)

– Nắng, mưa

– Hiện tượng bất thường

b) Em và mọi người cần biết dự báo thời tiết để làm gì?

BÀI VIẾT 2

1. Sưu tầm tranh (ảnh) hoặc vẽ tranh về cảnh vật thiên nhiên. Giới thiệu tranh (ảnh) đó.

Gợi ý

– Tranh (ảnh) vẽ (chụp) cảnh gì?

– Cảnh vật trong tranh (ảnh) như thế nào?

– Đặt tên cho tranh (ảnh) đó.



vườn hoa

bầu trời sao

cầu vồng



2. Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết 4 – 5 câu về tranh (ảnh) cảnh vật thiên nhiên.

Giữ lấy màu xanh



1. Hãy cho biết mỗi bức tranh, tấm ảnh dưới đây nói về điều gì.



2. Viết 4 – 5 câu về một việc em đã chứng kiến hoặc đã tham gia thể hiện sự thân thiện với thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Gợi ý

– Đó là hoạt động gì?

– Hoạt động đó diễn ra như thế nào?

3. Trưng bày và giới thiệu sản phẩm; bình chọn những sản phẩm đẹp, có nội dung hay.



M



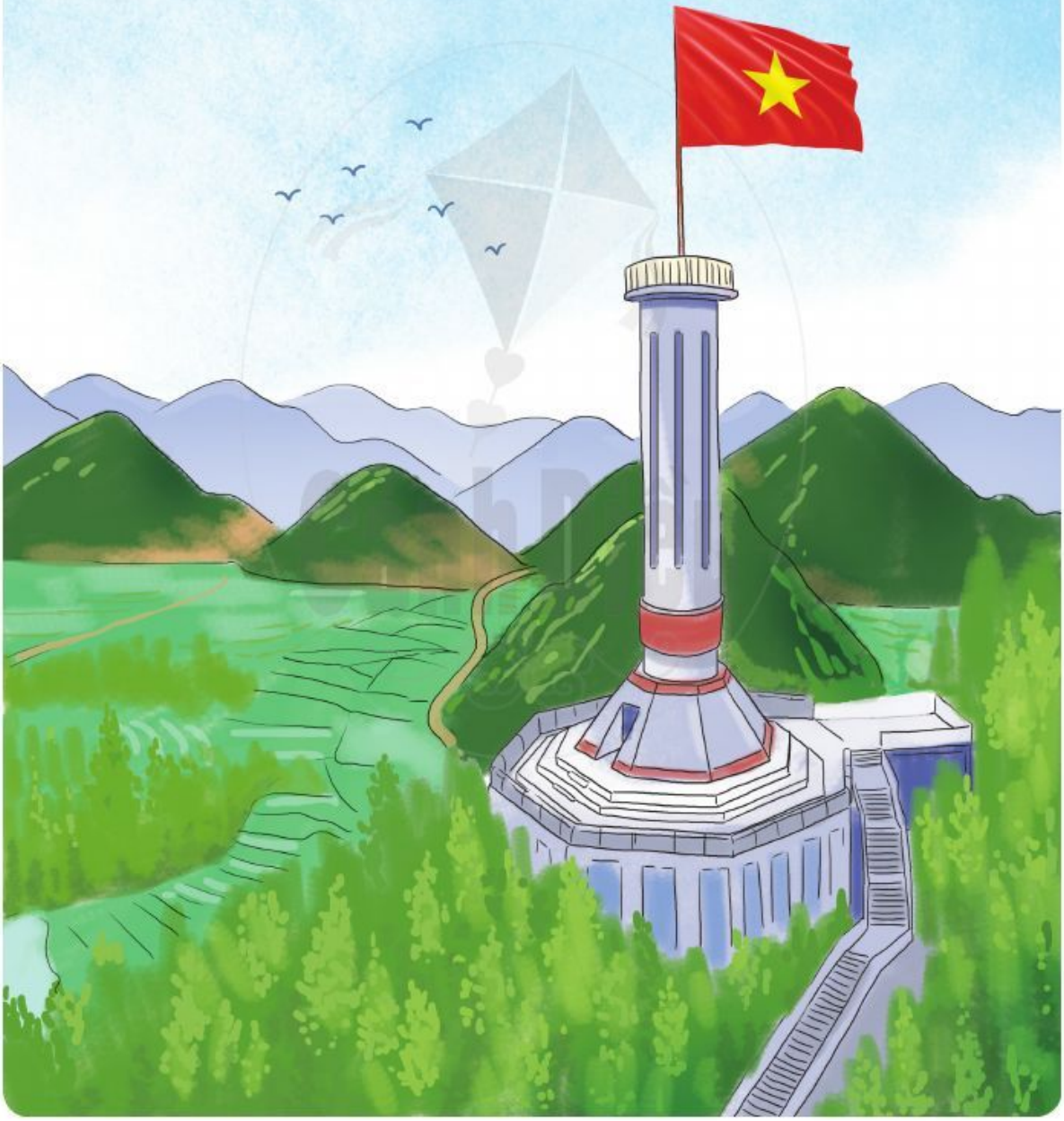
Trên cây xoài gần nhà tôi có một tổ chim sẻ .....
.....

TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau Bài 28 và Bài 29, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy hoàn chỉnh bảng dưới đây và tự đánh giá theo gợi ý:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa Y, Ă (kiểu 2)	a) ...
b) Câu hỏi *Vì sao?*	b) Hỏi và trả lời câu hỏi *Vì sao?*
c) Bản tin dự báo thời tiết	c) Nghe và nhắc lại thông tin chính
d) Truyện, thơ, văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về các mùa trong năm	d) Quan sát, nhận xét về tranh ảnh; viết về mùa yêu thích, về một việc làm bảo vệ môi trường

Em yêu Tổ quốc Việt Nam



Bài 30 Quê hương của em

CHIA SẺ

Hãy nói với bạn về quê hương em. Giới thiệu một hình ảnh quê hương.



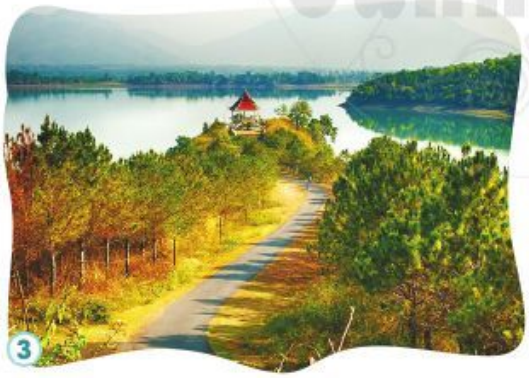
1

Quê tôi ở Thành phố Hồ Chí Minh.
Ở đó có chợ Bến Thành nổi tiếng...



2

Quê mình ở Điện Biên...



3

Tôi sinh ra và lớn lên ở Gia Lai.
Quê tôi có hồ T'nưng rất đẹp...



4

Quê tớ ở miền biển...

Cánh Diều

Bé xem tranh

(Trích)

Bé xem bức tranh
Mẹ mua ngoài tỉnh
Mắt bé long lanh
Chợt cười ngộ nghĩnh.

Đây là đồng lúa
Chín cong đuôi gà
Hôm nào mẹ gặt
Thơm vàng trời xa.

Đây đò cập bến
Trăng ngợp đôi bờ
Thuyền ai kéo lưới
Đằm trong tiếng hò.

Ô, đây giống quá
Chiều hè hôm nao
Cò bay ngược gió
Trong veo trời cao.

Bé ngồi ngắm nghía
Bức tranh mẹ mua
Đúng rồi, ai đó
Vẽ về làng ta.

KIM CHUÔNG



Ngợp: đầy khắp, như bao trùm cả không gian.

ĐỌC HIỂU

1. Bức tranh mà bạn nhỏ xem vẽ những gì?

2. Vì sao bạn nhỏ nghĩ rằng đó là bức tranh vẽ làng quê của mình?

3. Nói về một hình ảnh em thích trong bài thơ.

- Học thuộc lòng 12 dòng thơ đầu.

LUYỆN TẬP

1. Tìm trong bài thơ một câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của bạn nhỏ khi xem tranh.

2. Đặt một câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của em trước một bức tranh hoặc một cảnh đẹp.

M Ồ, bức tranh đẹp quá!

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết

Bản em

(Trích)

Bản em trên chóp núi
Sớm bồng bềnh trong mây
Sương rơi như mưa dội
Trưa mới thấy Mặt Trời...

Nhìn xuống sâu thung lũng
Nắng như rót mật vàng
Thác trắng tung dải lụa
Ngô xanh hai sườn non...

NGUYỄN THÁI VẬN



2. Chọn vần phù hợp với ô trống: **ua** hay **ươ**?

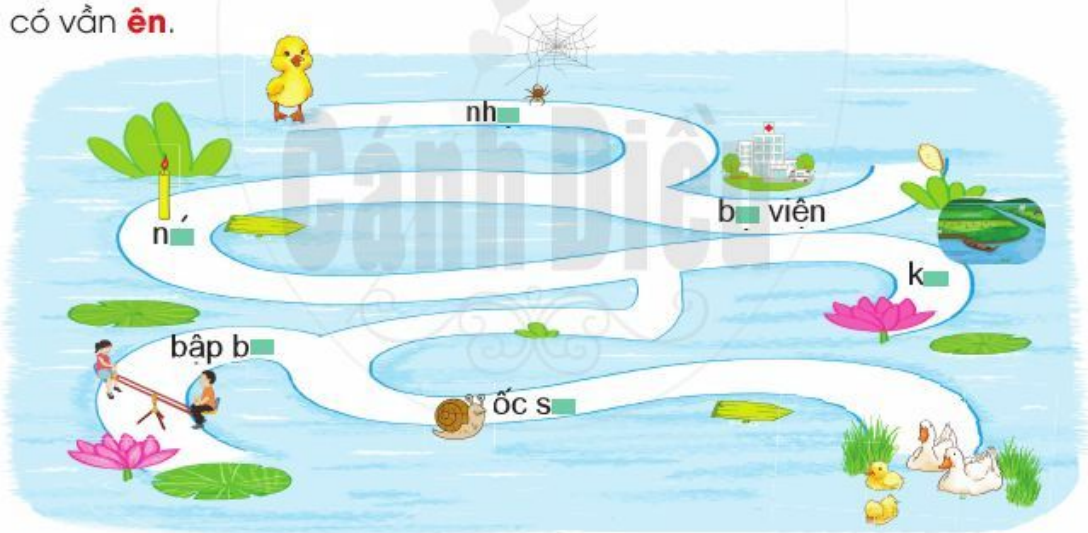
Th□ nhỏ, Lê rất thích đi xem xiếc thú. Lê thích tiết mục voi nhún nhảy theo tiếng nhạc, h□ vòi chào khán giả. Lê cũng thích tiết mục khỉ đ□ xe đạp, tranh thắng th□ ầm ĩ.

(3). Tìm đường về với mẹ

a) Em chọn chữ (**l** hoặc **n**) phù hợp với ô trống. Giúp gà con tìm đường về với mẹ, biết rằng đường về được đánh dấu bằng các tiếng bắt đầu với chữ **n**.

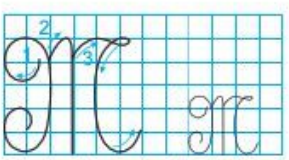


b) Em chọn vần (**ên** hoặc **ênh**) phù hợp với ô trống. Giúp vịt con tìm đường về với mẹ, biết rằng đường về được đánh dấu bằng các tiếng có vần **ên**.



4. Tập viết

a) Viết chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.

Rơm tháng Mười

1. Tôi nhớ những mùa gặt tuổi thơ. Nhớ cái nắng hanh tháng Mười trong như hổ phách. Những con đường làng đầy rơm vàng óng ánh. Rơm phơi héo toả mùi hương thơm ngầy ngậy.

2. Bọn trẻ con chạy nhảy trên những con đường rơm, sân rơm nô đùa. Rơm như tấm thảm vàng khổng lồ và ấm sực trải khắp ngõ ngách, bờ tre. Bất cứ chỗ nào bọn trẻ cũng nằm lăn ra để sưởi nắng hoặc lăn lộn, vật nhau, chơi trò đi lộn đầu xuống đất.



3. Còn tôi thì mùa gặt đến, tôi làm chiếc lều bằng rơm nép vào dệ tường hoa đầu sân. Nằm trong đó, tôi thò đầu ra, lim dim mắt nhìn bầu trời trong xanh, tràn ngập nắng ấm tươi vàng và những sợi tơ trời trắng muốt bay lửng lơ.

Theo NGUYỄN PHAN HÁCH

– *Rơm*: phần trên của thân cây lúa đã gặt và đập hết hạt.
– *Nắng hanh*: nắng khô và hơi lạnh.
– *Hổ phách*: nhựa thông hoá đá, màu vàng nâu, trong suốt.
– *Dệ tường (vệ tường)*: rìa tường, mép tường.

ĐỌC HIỂU

1. Đọc câu mở đầu và cho biết: Tác giả bài đọc viết về kỉ niệm gì?

2. Tìm những câu văn:

a) Tả vẻ đẹp của nắng tháng Mười

b) Tả vẻ đẹp của rơm tháng Mười

3. Trẻ con trong làng chơi những trò chơi gì trên những con đường, sân, ngõ đầy rơm?

LUYỆN TẬP

1. Tìm trong bài đọc các từ ngữ:

a) Tả màu sắc, mùi thơm của rơm tháng Mười

b) Tả hoạt động của các bạn nhỏ

2. Đặt câu với một từ ngữ em vừa tìm được ở bài tập 1.

TRAO ĐỔI

1. Thảo luận nhóm:

a) Nói về một trò chơi của thiếu nhi ở quê em: Đó là trò chơi gì? Ôn lại cách chơi để thực hành trước lớp.



chơi chuyền



chơi bịt mắt bắt dê



chơi kéo co

b) Nói về một loại bánh hay một món ăn của quê hương mà em yêu thích.


bánh giò


bánh xu xê


bánh cuốn


bánh bèo

2. Đại diện các nhóm chia sẻ về kết quả trao đổi.

BÀI VIẾT 2

1. Chọn 1 trong 2 đề sau:

a) Viết 4 – 5 câu giới thiệu một trò chơi của thiếu nhi ở quê em.

Gợi ý
- Đó là trò chơi gì?
- Cách chơi thế nào?
- Em thường chơi với ai?
- Em thích trò chơi đó như thế nào?


chơi trốn tìm

b) Viết 4 – 5 câu giới thiệu một loại bánh hoặc một món ăn của quê hương.

Gợi ý
- Đó là bánh gì (món ăn gì)?
- Bánh đó (món ăn đó) làm bằng gì?
- Bánh đó (món ăn đó) ngon như thế nào?


bánh trôi

2. Mỗi tổ chuẩn bị một hoạt động trong *Ngày hội quê hương* sắp tới:

a) Sưu tầm tranh ảnh, viết, vẽ về quê hương.

b) Giới thiệu 1 – 2 trò chơi của thiếu nhi ở quê hương.

c) Giới thiệu 1 – 2 món ăn của quê hương.

Đọc sách báo viết về quê hương

1. Em hãy mang đến lớp quyển sách, tờ báo viết về quê hương. Giới thiệu sách, báo với các bạn trong nhóm.



2. Tự đọc một truyện (hoặc một bài thơ, bài báo) em thích.

M

Em yêu nhà em

Chẳng đâu bằng chính nhà em
Có đàn chim sẻ bên thềm líu lo
Có nàng gà mái hoa mơ
Cục ta cục tác khi vừa đẻ xong
Có bà chuối mật lưng ong
Có ông ngô bắp râu hồng như tơ
Có ao muống với cá cờ
Em là chị Tấm đợi chờ bống lên
Có đầm ngào ngạt hoa sen
Ếch con đi học, dế mèn ngâm thơ
Dù đi xa thật là xa
Chẳng đâu vui được như nhà của em.

ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN

4. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một đoạn truyện, bài thơ, bài báo) em vừa đọc.

Bài 31 Em yêu quê hương

CHIA SẺ

1. Thi hát và đọc thơ về quê hương.

2. Bình chọn nhóm thực hiện tốt nhất.

BÀI ĐỌC 1

Về quê



Theo ông, cháu được về quê
Đồng xanh tít tắp, mùa hè thênh thang
Về quê được tắm giếng làng
Bắc thang bẻ ổi chín vàng trên cây
Trời cao lồng lộng gió mây
Tre đu kẽo kẹt, nắng đầy sân phơi
Chó mèo cứ quẩn chân người
Vịt bầu từng nhóm thảnh thơi bơi thuyền

Vườn sau, gà bới giun lên
Lũ con chiêm chiếp theo liền đằng sau
Buổi trưa cháu mải đi câu
Chiều về mấy đứa tranh nhau thả diều.

Ở quê, ngày ngắn tí teo
Kì nghỉ một tháng trôi vèo như không.

VŨ XUÂN QUẢN



– *Tít tắp*: rất xa, rất dài, đến hết tầm nhìn của mắt.
– *Thênh thang*: rất rộng rãi, thoải mái.
– *Lồng lộng*: (gió thổi) rất mạnh ở nơi trống trải.

ĐỌC HIỂU

1. Bài thơ là lời của ai?

2. Bạn nhỏ thích những cảnh vật nào ở quê?

3. Bạn nhỏ được làm những gì khi về quê nghỉ hè?

4. Em hiểu hai dòng cuối bài thơ như thế nào? Chọn ý đúng:

a) Ngày ở quê ngắn hơn ngày ở thành phố.

b) Nghỉ hè ở quê rất vui nên thấy thời gian trôi nhanh.

c) Kì nghỉ hè chỉ có một tháng nên rất ngắn.

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

quê, tít tắp, tắm, giếng, bẻ, ổi, xanh,
thênh thang, tre, bơi, câu cá, ngắn

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm	Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Nói 1 – 2 câu thể hiện sự ngạc nhiên hoặc thích thú trong các tình huống sau:

a) Ông cho em cùng đi thả diều.

b) Ông cho em cùng đi câu.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết

Quê ngoại

Nắng chiều ở quê ngoại
 Óng ả vàng ngọn chanh
Lích chích trên cành khế
Tiếng chim trong lá xanh.

Những ngày ở quê ngoại
Tắm mát trên dòng sông
Rất nhiều hoa cỏ lạ
Thoang thoảng hương trên đồng.

PHẠM THANH CHƯƠNG

(2). Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **s** hay **x**?

Cây sấu là cây âm nhạc với cái thân to và tán lá □anh tròn. Mỗi quả sấu là một nốt nhạc. Còn nhạc □ĩ là những chú ve □ầu râm ran trong tán lá □anh □uốt cả mùa hè.

Theo BĂNG SƠN



b) Vần **in** hay **inh**?

Cây xấu hổ

Mắt trong kẽ lá
T□ nghịch nh□ em
X□ đừng xấu hổ
Cây hãy làm quen.



Vì hay nhút nhát
Cây đứng một m□.
Vì hay xấu hổ
Suốt đời lặng th□.

THÁI THĂNG LONG

(3). Tìm tiếng:

a) Bắt đầu bằng chữ **s** hay **x** có nghĩa như sau:

– Mùa đầu tiên trong năm.

– Trái ngược với **đúng**.

– Trái ngược với **đẹp**.

b) Có vần **in** hay **inh** có nghĩa như sau:

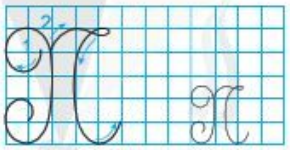
– Số tiếp theo số 8.

– Cùng nghĩa với **đẹp**.

– Thực hiện các phép cộng, trừ, nhân, chia,…

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Nhiều sao thì nắng, vắng sao thì mưa.

Cánh Diều

BÀI ĐỌC 2

Con kênh xanh xanh

1. Nhà Đôi và nhà Thu cách nhau một con lạch nhỏ. Trước kia, đó chỉ là đường dẫn nước vào vườn cây. Cách đây mấy năm, nước lớn, hai bờ bị lở, rộng ra. Hai nhà cùng nhau nạo đáy, tạo thành con lạch chung. Có con lạch, nước ra vô mạnh theo thuỷ triều, nên không đục bùn như những đường dẫn nước khác. Hai nhà đều treo sẵn vài cái võng lên những cây dừa bên bờ lạch để nằm chơi, hưởng gió mát.

2. Hè đến, Đôi và Thu thường nằm trên võng ôn bài, đố vui. Có lần, Thu ví con lạch này là con kênh xanh xanh của hai nhà. Cái tên "con

kênh xanh xanh" giống hệt tên một bài hát mà Đôi biết:

"Con kênh xanh xanh những chiều êm ả nước trôi...
Thuyền ai lướt qua hàng chuối với bờ kênh.
Thuyền ai lướt qua bông lúa thướt tha..."

Theo KIM HÀI



– *Kênh*: công trình dẫn nước tương đối lớn, thuyền bè có thể đi lại được.
– *Lạch*: đường dẫn nước hẹp, nông, ít dốc.
– *Ra vô*: ra vào.
– *Thuỷ triều*: hiện tượng nước biển dâng lên, rút xuống một, hai lần trong ngày.

ĐỌC HIỂU

1. Con lạch chung của nhà Đôi và nhà Thu được tạo ra như thế nào?
2. Mùa hè, Đôi và Thu thường làm gì bên con lạch?
3. Cái tên "con kênh xanh xanh" mà hai bạn đặt cho con lạch thể hiện tình cảm với con lạch như thế nào?

Cánh Diều

LUYỆN TẬP

1. Nói lời đồng ý của Thu khi Đôi rủ Thu cùng ra võng ôn bài.

2. Nói lời khen của các bạn khi đến thăm con lạch của hai nhà.

KỂ CHUYỆN

Chọn 1 trong 2 đề sau:

1) Kể lại một lần em theo bố mẹ hoặc ông bà về quê chơi.

Gợi ý

– Quê em ở đâu?

– Ở quê có những gì làm em thích thú hoặc nhớ mãi?

– Cảm nghĩ của em về lần đi chơi đó.

2) Kể lại một lần em được đi chơi ở một nơi có cảnh đẹp.

Gợi ý

– Em được đi đâu?

– Ở nơi em đến có những gì làm em thích thú hoặc nhớ mãi?

– Cảm nghĩ của em về lần đi chơi đó.





BÀI VIẾT 2

1. Viết 4 – 5 câu giới thiệu quê hương em hoặc nơi em ở (kèm theo tranh ảnh em đã sưu tầm hoặc tự vẽ).

Gợi ý

a) Quê hương em ở đâu?

b) Hình ảnh quê hương em gắn với cảnh vật, hoạt động nào?



cổng làng, cây đa



trẻ chăn trâu



hát dân ca

c) Tình cảm của em với quê hương như thế nào?

2. Giới thiệu bài viết của em với các bạn trong nhóm. Tập hợp các bài viết thành bộ sưu tập để tham gia *Ngày hội quê hương*.



Quê mình ở Tráng Việt. Xã mình nổi tiếng với những ruộng rau xanh mát .....

Quê tôi ở Đất Mũi, Cà Mau...
.....



NGÀY HỘI QUÊ HƯƠNG



Hãy tổ chức một ngày hội vui!

Bạn ơi, tổ bạn tham gia hoạt động gì?



1. Mỗi tổ thực hiện một trong các hoạt động dưới đây:

a) Trưng bày, giới thiệu các đoạn viết về quê hương kèm theo tranh, ảnh học sinh sưu tầm hoặc tự vẽ.



Đây là tập bài của các bạn tổ tôi viết về quê hương .....

b) Giới thiệu trò chơi dân gian. Mời các bạn cùng tham gia trò chơi.

Đây là trò chơi *mèo đuổi chuột*

.....



c) Giới thiệu món ăn quê hương.







Đây là mấy món ăn quê hương.....



2. Cả lớp bình chọn những sản phẩm, hoạt động hay.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau Bài 30 và Bài 31, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy hoàn chỉnh bảng dưới đây và tự đánh giá theo gợi ý:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa 𝔐, 𝔑 (kiểu 2)	a) ...
b) Từ ngữ về nông thôn	b) Sử dụng từ ngữ về nông thôn
c) Sự ngạc nhiên, thích thú	c) Thể hiện...
d) Truyện, thơ, văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về quê hương	d) – Quan sát, nhận xét tranh ảnh và viết về quê hương hoặc nơi em ở – Tham gia hoạt động *Ngày hội quê hương*

Bài 32 Người Việt Nam

CHIA SẺ

1. Quan sát ảnh Đền Hùng ở tỉnh Phú Thọ.



Đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, tỉnh Phú Thọ



Người dân cả nước về Giỗ Tổ ở Đền Hùng, Phú Thọ

2. Đọc câu thơ sau và cho biết các Vua Hùng là ai.

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

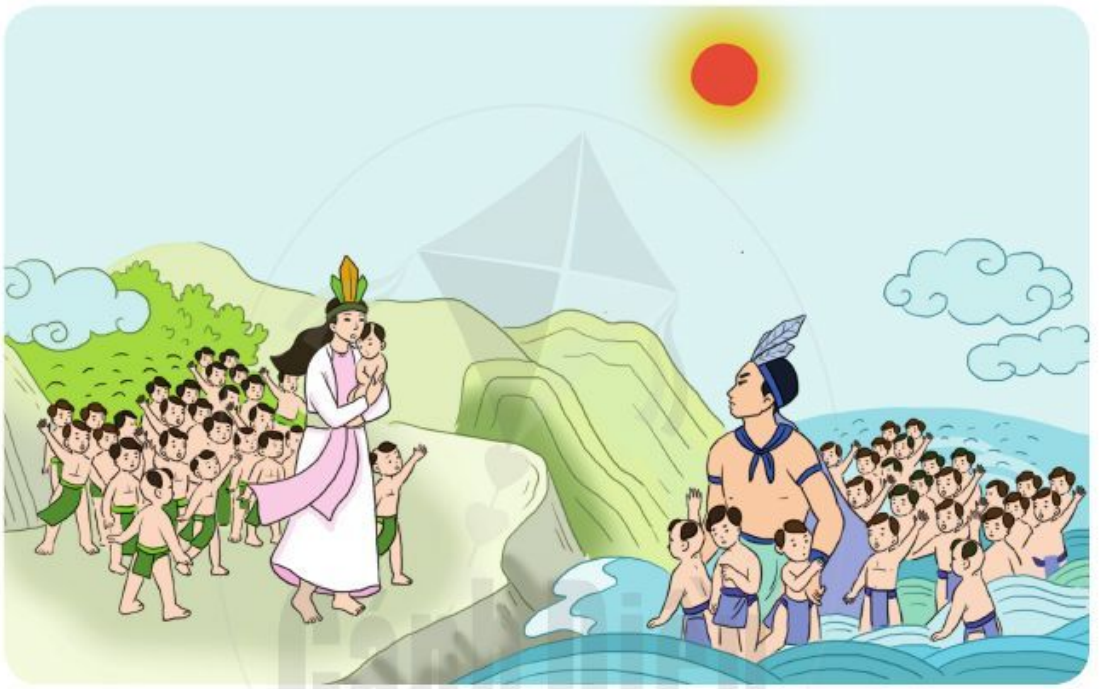
BÀI ĐỌC 1

Con Rồng cháu Tiên

1. Ngày xưa, ở miền Lạc Việt có một vị thần tên là Lạc Long Quân. Thần nòi rồng, sức khoẻ phi thường, đã giúp dân diệt trừ nhiều yêu quái. Cũng thuở ấy, ở vùng núi phía Bắc có nàng Âu Cơ xinh đẹp tuyệt trần.

2. Âu Cơ gặp Lạc Long Quân rồi nên vợ nên chồng. Nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con lớn nhanh như thổi, khoẻ mạnh như thần.

3. Một hôm, Lạc Long Quân bàn với Âu Cơ: "Ta sẽ đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau giữ các phương. Kẻ miền biển, người miền núi, khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau.".



4. Âu Cơ cùng năm mươi con sinh sống trên đất liền. Người con trưởng được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, con cháu càng ngày càng đông đúc.

5. Cũng bởi sự tích này mà người Việt Nam thường được gọi là "con Rồng cháu Tiên". Người Việt Nam cũng gọi nhau là "đồng bào", có nghĩa là những người cùng sinh ra từ bọc trứng của bà Âu Cơ.

Truyện dân gian Việt Nam

– *Nòi rồng*: con cháu của rồng.
– *Đóng đô*: lập kinh đô.
– *Phong Châu*: vùng đất bây giờ thuộc tỉnh Phú Thọ.

ĐỌC HIỂU

1. Nói những điều em biết về Lạc Long Quân và Âu Cơ qua đoạn 1.

2. Bà Âu Cơ sinh con kì lạ như thế nào?

3. Vị vua đầu tiên lập ra nước ta là ai?

4. Theo truyện này thì người Việt Nam ta là con cháu của ai?

LUYỆN TẬP

1. Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Để làm gì?*:

a) Người Việt Nam lập Đền Hùng để thờ các vị vua đầu tiên lập ra nước ta.

b) Ngày mùng Mười tháng Ba âm lịch hằng năm, người dân cả nước về Đền Hùng để tưởng niệm tổ tiên chung.

2. Đặt một câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi *Để làm gì?*.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Con Rồng cháu Tiên* (từ "Âu Cơ cùng năm mươi con..." đến "... con Rồng cháu Tiên.")

(2). Tìm chữ phù hợp với ô trống:

a) Chữ **l** hay **n**?

– Một cây ?àm chẳng nên ?on
Ba cây chụm lại ?ên hòn ?úi cao.

Tục ngữ

– Nhiễu điều phủ ?ấy giá gương
Người trong một ?ước phải thương nhau cùng.

Tục ngữ

b) Chữ **v** hay **d**?

?ườn nhà tôi trồng nhiều cây trái: ?ú sữa xanh bóng điểm sắc tím, ăn vào ngọt ?ịu. Sầu riêng múi ?àng ươm, thơm lừng.

Những trái xoài ▪àng tươi, ửa mật. Cây cối được trồng thành ▪ãy, thật đẹp mắt.





(3). Tìm các tiếng:

a) Bắt đầu bằng **l** hay **n**, có nghĩa như sau:

– Vật dùng để nấu cơm.

– Đi bộ trên mặt nền ngập nước.

– Sai sót, khuyết điểm.

b) Bắt đầu bằng **v** hay **d**, có nghĩa như sau:

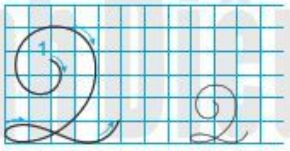
– Ngược lại với **buồn**.

– Mềm nhưng bền, khó làm đứt.

– Bộ phận cơ thể nối cánh tay với thân mình.

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Quê hương em tươi đẹp biết bao!

BÀI ĐỌC 2



Thư Trung thu

(Trích)

Mỗi năm, đến tết Trung thu, Bác càng nhớ các cháu.

Các cháu gửi thư cho Bác nhiều lắm, Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp tết Trung thu, Bác gửi các cháu thư này:



Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh?
Tính các cháu ngoan ngoãn
Mặt các cháu xinh xinh.
Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành,
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tuỳ theo sức của mình,
Để tham gia kháng chiến,
Để gìn giữ hoà bình.
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh.
Hôn các cháu

HỒ CHÍ MINH

– *Thi đua*: cùng nhau cố gắng làm việc, học tập đạt kết quả tốt nhất.
– *Kháng chiến*: chiến đấu chống quân xâm lược.
– *Hoà bình*: yên vui, không có giặc.

ĐỌC HIỂU

1. Bác Hồ gửi bức thư trên cho ai?

2. Tìm những câu thơ thể hiện các ý sau:

a) Bác Hồ rất yêu thiếu nhi.

b) Thiếu nhi rất đáng yêu.

3. Bác Hồ khuyên thiếu nhi điều gì?

• Học thuộc lòng bài thơ trong bức thư của Bác Hồ.

Cánh Diều

LUYỆN TẬP

1. Những từ nào trong mỗi câu sau cho biết câu đó là một lời đề nghị, lời khuyên:

a) Mong các cháu cố gắng.

b) Các cháu hãy cố gắng.

2. Đặt một câu với từ **mong** hoặc từ **hãy** để nói lời đề nghị của em với người khác.

KỂ CHUYỆN

1. Dựa vào tranh và câu hỏi, kể từng đoạn câu chuyện *Con Rồng cháu Tiên*:



① Lạc Long Quân và Âu Cơ là ai?



② Bà Âu Cơ sinh con kì lạ như thế nào?



③ Lạc Long Quân bàn với Âu Cơ thế nào?



④ Vị vua đầu tiên lập ra nước ta là ai?

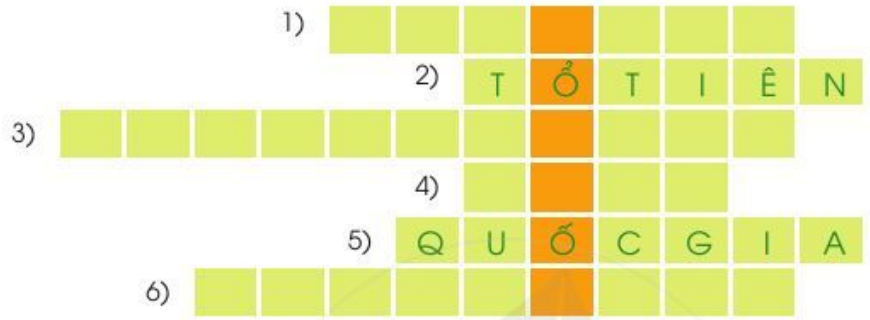


⑤ Vì sao người Việt Nam được gọi là "con Rồng cháu Tiên" và gọi nhau là "đồng bào"?

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

BÀI VIẾT 2

1. Tìm từ thích hợp với mỗi dòng theo gợi ý dưới đây. Viết vào mỗi ô trống một chữ cái. Sau đó, đọc chữ trên cột dọc màu cam.



Gợi ý

(1) Tên nước ta, bắt đầu bằng chữ V.

(3) Tên vị thần là ông tổ của nước ta, bắt đầu bằng tiếng LẠC.

(4) Tên người mẹ đẻ trăm trứng, bắt đầu bằng chữ Â.

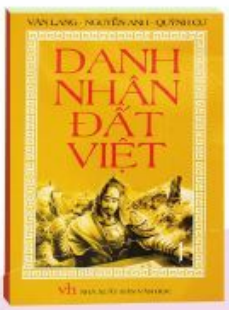
(6) Tên vùng đất các Vua Hùng đóng đô, bắt đầu bằng chữ P.

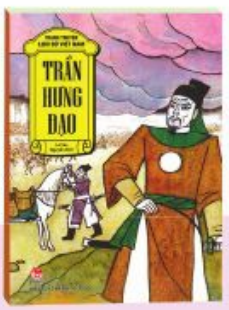
2. Viết 4 – 5 câu kể những điều em biết về đất nước và con người Việt Nam.

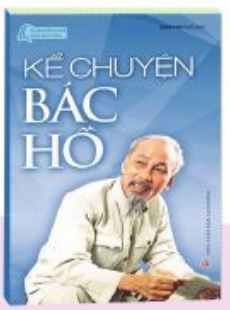
TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về người Việt Nam

1. Mỗi học sinh mang đến lớp một quyển sách hoặc bài báo viết về người Việt Nam. Giới thiệu với các bạn sách báo của em.









Cánh Diều

2. Tự đọc một truyện hoặc một bài báo, bài thơ em yêu thích.

M

Chuyện quả bầu

Ngày xưa, có hai vợ chồng đi rừng bắt được một con dúi. Dúi xin tha mạng, hứa sẽ nói một điều bí mật. Hai vợ chồng thương tình tha cho. Dúi báo sắp có trận lụt lớn. Nó khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn, rồi chui vào đó, sau bảy ngày hãy ra.

Hai vợ chồng làm theo. Họ khuyên mọi người cùng làm nhưng không ai tin. Chẳng bao lâu, trời làm mưa lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài đều chết chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi, hai vợ chồng thoát nạn. Sau bảy ngày, họ chui ra. Cỏ cây vàng úa. Mặt đất không một bóng người.

Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu. Thấy chồng buồn, chị cất quả bầu lên giàn bếp.

Một lần, hai vợ chồng đi làm nương về, nghe thấy tiếng cười đùa trong quả bầu. Người vợ lấy que đốt thành cái dùi, rồi nhẹ nhàng dùi quả bầu. Từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ-mú nhanh nhảu ra trước. Tiếp đến là người Thái, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh,...

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

Truyện dân gian Khơ-mú



Con dúi: loài thú nhỏ, ăn củ và rễ cây, sống trong hang đất.

3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe những gì em vừa đọc. Nói về một nhân vật em yêu thích. Cho biết vì sao em thích nhân vật đó.

Bài 33 Những người quanh ta

CHIA SẺ

Những người trong tranh đang làm gì? Họ là ai?



Con đường của bé

(Trích)



Đường của chú phi công
Lẫn trong mây cao tít
Khắp những vùng trời xa
Những vì sao chi chít.

Đường của chú hải quân
Mênh mông trên biển cả
Tới những vùng đảo xa
Và những bờ bến lạ.

Con đường làm bằng sắt
Là của bác lái tàu
Chạy dài theo đất nước
Đi song hành bên nhau.

Bà bảo đường của bé
Chỉ đi tới trường thôi
Bé tìm mỗi sớm mai
Con đường trên trang sách.

THANH THẢO



– *Phi công*: người lái máy bay.
– *Hải quân*: bộ đội bảo vệ biển, đảo.
– *Song hành*: đi song song với nhau.

ĐỌC HIỂU

1. Bài thơ nói về công việc của những ai?

2. Công việc của mỗi người gắn với một con đường. Ghép đúng:

a) Chú phi công	1) đường biển
b) Chú hải quân	2) đường sắt
c) Bác lái tàu	3) đường hàng không
d) Bạn học sinh	4) đường tới trường

3. Em hiểu hai dòng cuối bài thơ thế nào? Chọn ý đúng:

a) Bé tìm đường tới trường.

b) Bé tìm đường của các chú, các bác.

c) Bé tìm con đường tương lai trong các bài học.

LUYỆN TẬP

1. Những người trong tranh đang làm gì? Họ là ai?



2. Kể thêm một số nghề nghiệp mà em biết.

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết: *Con đường của bé* (2 khổ thơ đầu)

(2). Tìm chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **s** hay **x**?

Đã ■ế trưa, máy cày của mấy bác nông dân trong ■óm vẫn chạy giòn giã. Máy lật lên những hàng đất tơi ■ốp cho mùa tới, cây cối ■inh ■ôi.

b) Chữ **i** hay **iê**?

Thủy rất mê chuyện cổ tích. Cô bé luôn t■n là sẽ có những cô t■n xinh đẹp, d■u hiền, xuất h■n đúng lúc khó khăn nhất để giúp con người.

Cánh Diều

c) Vần **ao** hay **au**?

S□ mấy đợt rét đậm, mùa xuân đã về. Trên cây g□ đầu làng, từng đàn s□ chuyền cành lao xao như b□ tin vui, giục người ta m□ đón ch□ xuân mới.

(3). Tìm chữ hoặc vần phù hợp với ô trống:

a) Chữ **s** hay **x**?

ngày □ưa say □ưa quả □ung □ung phong

b) Chữ **i** hay **iê**?

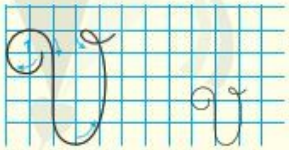
kim t□m trái t□m buổi ch□u ch□u khó

c) Vần **ao** hay **au**?

c□ lớn trầu c□ thứ s□ chim s□

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Việt Nam, quê hương yêu dấu.

BÀI ĐỌC 2

Người làm đồ chơi

1. Bác Nhân, hàng xóm nhà tôi, là một người làm đồ chơi bằng bột màu. Ở ngoài phố, cái sào nứa cắm đồ chơi của bác dựng chỗ nào là chỗ ấy trẻ con xúm lại.



2. Dạo này, hàng của bác Nhân bỗng ế. Những đồ chơi mới bằng nhựa đã xuất hiện. Một hôm, bác Nhân bảo bác sắp về quê làm ruộng. Tôi suýt khóc, nhưng cố tỏ ra bình tĩnh:

– Bác ở đây làm đồ chơi cho chúng cháu. Cháu sẽ rủ các bạn cùng mua.

Bác cảm động ôm lấy tôi.

3. Hôm sau là buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân. Tôi đập con lợn đất, đếm được hơn mười nghìn đồng. Tôi chia nhỏ món tiền, nhờ mấy bạn trong lớp mua giúp đồ chơi của bác.

Gặp tôi chiều hôm ấy, bác rất vui. Bác bảo: "Thì ra, vẫn còn nhiều trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác.".

Bác còn bảo:

– Về quê, bác cũng sẽ nặn đồ chơi để bán. Trẻ ở nông thôn thích thứ này hơn trẻ thành phố.

Theo XUÂN QUỲNH

Ế hàng: không bán được hàng.



ĐỌC HIỂU

1. Bác Nhân trong câu chuyện làm nghề gì?

2. Vì sao bác Nhân định chuyển về quê? Chọn ý đúng:

a) Vì bác không thích ở thành phố.

b) Vì dạo này bác không bán được hàng.

c) Vì bác không thích làm đồ chơi bằng bột.

3. Khi biết bác Nhân định bỏ về quê, thái độ của bạn nhỏ thế nào?

4. Bạn nhỏ đã làm gì để bác Nhân vui trong buổi bán hàng cuối cùng?

LUYỆN TẬP

1. Sử dụng các câu hỏi *Ở đâu?, Khi nào?, Vì sao?,* hỏi đáp với bạn về nội dung câu chuyện.

M – Vì sao bạn nhỏ trong truyện muốn bác Nhân ở lại?

– Bạn ấy muốn bác Nhân ở lại vì quý mến bác.

2. Em hãy thay bạn nhỏ trong truyện nói lời chào tạm biệt và lời chúc bác Nhân khi chia tay bác.

KỂ CHUYỆN

1. Nghe và kể lại mẩu chuyện sau:

May áo

Truyện kể về lòng cao thượng



Gợi ý

a) Vì sao nhím muốn may tặng thỏ một chiếc áo ấm?

b) Nhím đã có kim, nó tìm vải may áo ở đâu?

c) Ai giúp nhím cắt vải, đo vải?

d) Thỏ nghĩ ra sáng kiến gì khi được các bạn tặng áo?

2. Nói lời của em:

a) Khen nhím, thỏ và các con vật trong khu rừng.

b) Đồng tình với sáng kiến của thỏ.

BÀI VIẾT 2

1. Nói về một người lao động ở trường em.

Gợi ý

– Em nói về ai?

– Cô bác đó làm việc gì trong trường?

– Cô bác đó giúp em và các bạn em những gì?

– Em muốn nói gì hoặc làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với cô bác đó?

2. Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết 4 – 5 câu (hoặc 4 – 5 dòng thơ) về một người lao động ở trường em.

GÓC SÁNG TẠO

Những người em yêu quý



Chúng em làm sách về cô bác ở trường



1. Mỗi tổ làm một quyển sách về người lao động trong trường.

Gợi ý

– Mỗi học sinh sửa lại đoạn văn (thơ) đã viết. Vẽ tranh và trang trí cho đẹp.

– Tập hợp các sản phẩm của tổ thành tập sách. Trang bìa ghi tên tác giả là các bạn trong tổ.



Tôi cắt dán tranh cô Huệ bếp trưởng.
Cô nấu ăn ngon và sạch sẽ .....
.....

Đây là tớ vẽ bác Hải bảo vệ.
Mỗi khi tớ chào bác, bác luôn
tươi cười chào lại .....
.....





Mình rất thích cô Lệ.
Cô là nhân viên thư viện .....
.....

2. Các tổ trưng bày, giới thiệu và bình chọn quyển sách hay.

Bài 34 Thiếu nhi đất Việt

CHIA SẺ

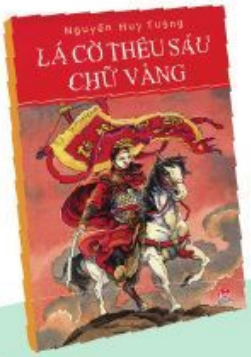
1. Nhìn tranh, cho biết các bạn nhỏ trong mỗi tranh đang làm gì?

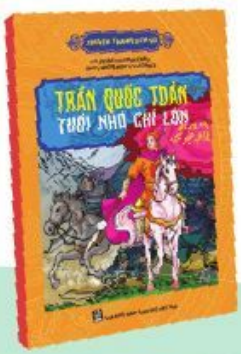






2. Em biết gì về người anh hùng nhỏ tuổi trong những truyện dưới đây?





Bóp nát quả cam

1. Giặc Nguyên cho sứ thần sang, giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.



2. Sáng nay, biết vua họp bàn việc nước ở dưới thuyền rồng, Quốc Toản quyết gặp vua. Đợi từ sáng đến trưa vẫn không gặp được, cậu bèn xô mấy người lính gác, xăm xăm đi xuống bến.

3. Vừa lúc ấy, vua cùng các vương hầu bước ra ngoài mui thuyền. Quốc Toản bèn chạy đến, quỳ xuống tâu:

– Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin Bệ hạ cho đánh!

Vua truyền cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

– Quốc Toản còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

4. Quốc Toản tạ ơn vua, chân bước lên bờ mà lòng ấm ức: "Vua ban cho cam quý nhưng vẫn không cho dự bàn việc nước.". Nghĩ đến quân giặc đang lăm le đè đầu cưỡi cổ dân mình, cậu nghiến răng, hai bàn tay bóp chặt.

Mọi người ùa tới. Cậu xoè bàn tay phải cho họ xem cam quý vua ban. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

Theo NGUYỄN HUY TƯỞNG

– *Giặc Nguyên*: nhà Nguyên – triều đình do người Mông Cổ lập ra ở Trung Quốc, bấy giờ đang âm mưu xâm lược nước ta.

– *Trần Quốc Toản* (1267 – 1285): em của vua Trần Nhân Tông, tuổi còn trẻ đã lập nhiều chiến công chống giặc Nguyên.

– *Vương hầu*: người có tước vị cao do vua ban.

ĐỌC HIỂU

1. Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta?

2. Quốc Toản quyết gặp vua để nói gì?

3. Nhà vua khen và ban thưởng cho Quốc Toản như thế nào?

4. Chi tiết Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam nói lên điều gì?

LUYỆN TẬP

1. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm:

a) Nhà vua họp bàn việc nước **ở dưới thuyền rồng**.

b) **Sáng nay**, Quốc Toản quyết đến gặp vua.

c) **Vừa lúc ấy**, vua cùng các vương hầu bước ra.

2. Hãy nói lời ngạc nhiên, thán phục của em khi đọc câu chuyện trên.

Cánh Diều

BÀI VIẾT 1

1. Nghe – viết

Bé chơi

(Trích)

Bé chơi làm thợ nề
Xây nên bao nhà cửa
Bé chơi làm thợ mỏ
Đào lên thật nhiều than
Bé chơi làm thợ hàn
Nối nhịp cầu đất nước
Bé chơi làm thầy thuốc
Chữa bệnh cho mọi người...

YẾN THẢO



(2). Chọn chữ hoặc dấu thanh phù hợp:

a) Chữ **ch** hay **tr**?



Em nhìn ?ăng ?ở dậy
Từ mặt biển ?ân ?ời
Khi triều dâng căng ngực
Biển bạc đầu ?ăng soi.

NHƯ MẠO

b) **Dấu hỏi** hay **dấu ngã**?

Trường em ngói mới **đo** hồng
Mọc lên tươi thắm **giưa** đồng lúa xanh
Gió về đồng lúa reo quanh
Vây chào **nhưng** bước chân nhanh tới trường.

NGUYỄN BÙI VỢI

(3). Tìm tiếng:

a) Bắt đầu bằng chữ **ch** hay **tr** có nghĩa như sau:

– Đồ dùng bằng vải, len, dạ,… để đắp cho ấm.

– Trái ngược với **méo**.

– Trái ngược với **nhanh**.

b) Có **dấu hỏi** hay **dấu ngã** có nghĩa như sau:

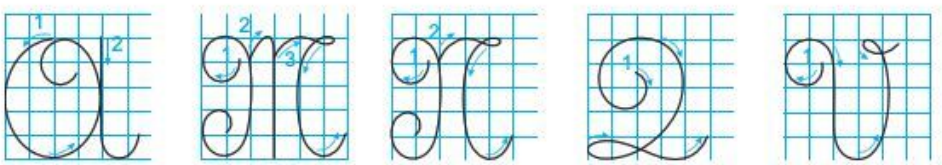
– Cây nhỏ, thân mềm, làm thức ăn cho trâu, bò, ngựa,…

– Đập nhẹ vào vật cứng cho kêu thành tiếng.

– Vật dùng để quét nhà.

4. Tập viết

a) Ôn các chữ hoa (kiểu 2):



b) Viết ứng dụng: Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh

Những ý tưởng sáng tạo

Ý tưởng trẻ thơ là một cuộc thi dành cho học sinh tiểu học. Cuộc thi được tổ chức từ năm 2008, mỗi năm một lần. Hằng năm, học sinh các trường tiểu học trong cả nước đã gửi đến cuộc thi hàng trăm nghìn bức tranh hoặc mô hình thể hiện những ý tưởng sáng tạo rất độc đáo.

1



(Trần Minh Khoa)

Tranh thể hiện ý tưởng **Cân xử lí độc hại**. Chiếc cân này sẽ giúp phát hiện những sản phẩm không an toàn cho sức khoẻ con người.

Ý tưởng sáng chế tàu ngầm **Mực cứu hộ**. **Mực cứu hộ** có thể luồn vào mọi ngõ ngách để cứu người bị đắm tàu.

2



(Nông Bích Ngọc, Trần Bảo Ngọc)

3



(Nguyễn Long Nhật)

Ý tưởng sáng chế **Cây do thám**. Cây này theo dõi tất cả các sự việc xảy ra, giúp các chú bộ đội nhanh chóng phát hiện âm mưu của kẻ địch.

MINH HOÀ tổng hợp

– *Ý tưởng*: điều mới mẻ nảy ra trong đầu.
– *Sáng chế*: tạo ra vật mới (máy mới, thuốc mới, chất mới,...).

ĐỌC HIỂU

1. Cuộc thi *Ý tưởng trẻ thơ* dành cho ai?

2. Học sinh cả nước hưởng ứng cuộc thi như thế nào?

3. Mỗi bức tranh trong bài thể hiện một ý tưởng sáng tạo độc đáo. Em thích ý tưởng nào? Vì sao?

LUYỆN TẬP

1. Hãy nói 1 – 2 câu thể hiện sự thích thú của em đối với cuộc thi *Ý tưởng trẻ thơ*.

2. Hãy nói 1 – 2 câu thể hiện sự tán thành của em đối với sáng kiến của các bạn nhỏ được giới thiệu trong bài *Những ý tưởng sáng tạo*.

KỂ CHUYỆN – TRAO ĐỔI

1. Nghe và kể lại mẩu chuyện sau:

Thần đồng Lương Thế Vinh

Chuyện hay nhớ mãi



Lương Thế Vinh: Trạng nguyên Việt Nam, quê ở huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, sinh vào khoảng năm 1440, không rõ năm mất.

Gợi ý

a) Từ nhỏ, Lương Thế Vinh đã nổi tiếng về điều gì?

b) Trong câu chuyện, có sự việc gì đặc biệt xảy ra?

c) Cậu bé Vinh đã thể hiện trí thông minh như thế nào?

d) Vì sao Lương Thế Vinh được gọi là Trạng Lường?

2. Nói 1 – 2 câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú hoặc thán phục của em khi nghe câu chuyện trên.

BÀI VIẾT 2

1. Chọn 1 trong 2 đề:

a) Kể về một nhân vật thiếu nhi trong các truyện em đã học hoặc đã đọc, đã xem qua phim ảnh, qua chương trình truyền hình,...

b) Kể về một bạn cùng xóm phố.

Gợi ý

– Nhân vật đó (bạn đó) là ai?

– Nhân vật đó (bạn đó) có gì đáng yêu, đáng quý?

– Nêu một hành động cụ thể của nhân vật đó (bạn đó) khiến em nhớ mãi.

– Tình cảm của em đối với nhân vật đó (bạn đó).

2. Dựa vào những điều đã nói, viết 4 – 5 câu về nhân vật thiếu nhi mà em **biết hoặc về bạn của em.**

Quỳnh Anh ở gần nhà tôi. Chủ nhật nào chúng tôi cũng đến nhà nhau.

Quỳnh Anh múa dẻo và có tài bắt chước...

.....



TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo viết về thiếu nhi Việt Nam

1. Mỗi học sinh mang đến lớp một quyển sách hoặc bài báo viết về thiếu nhi Việt Nam. Giới thiệu với các bạn quyển sách của em: tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản, tranh bìa.



2. Tự đọc tin tức trên báo, đọc truyện hoặc bài thơ em yêu thích.

M

Đi tàu hoả

(Trích)

Con tàu hoả rất dài
Bánh không săm không lốp
Chạy đều trên đường ray
Đêm ngày không bị trượt.

Tàu giật mình đột ngột
Rồi dùng dằng rời ga
Dòng sông và con đường
Quay như cái com pa.

Nắng bập bình cửa sổ
Mây bồng bềnh về đâu
Em ngồi trên dông bão
Đang chuyển dưới gầm tàu.

Bên em bạn thiếu nhi
Đeo Huy hiệu Bác Hồ
Bạn làm "nghìn việc tốt"
Hôm nay về Thủ đô.

Ngoài kia núi nhấp nhô
Ngang trời – như nổi sóng
Nhà máy nào vừa dựng
Khói bay trắng một miền.

Con tàu như mũi tên
Đang lao về phía trước
Em muốn con tàu này
Đưa em đi khắp nước.

Ơi Tổ quốc! Tổ quốc!

TRẦN ĐĂNG KHOA

3. Đọc lại (hoặc kể lại) cho các bạn nghe một truyện (hoặc một bài thơ, bài báo) em vừa đọc.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Sau các Bài 32, 33 và 34, em đã biết thêm những gì, đã làm thêm được những gì? Hãy hoàn chỉnh bảng dưới đây và tự đánh giá theo gợi ý:

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Các chữ hoa Ơ, Ư (kiểu 2)	a) ...
b) Câu hỏi *Để làm gì?*	b) Hỏi và trả lời...
c) Cách thể hiện sự ngạc nhiên, thán phục	c) Thể hiện sự ngạc nhiên, thán phục
d) Truyện, thơ, văn miêu tả, thông tin, tranh ảnh về người Việt Nam, thiếu nhi Việt Nam	d) Quan sát, nhận xét về tranh ảnh và viết về một người lao động, một bạn thiếu nhi

Bài 35 ÔN TẬP CUỐI NĂM

Đánh giá và luyện tập tổng hợp

Tiết 1, 2

Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng: Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, đoạn thơ khoảng 60 tiếng hoặc đọc thuộc lòng một đoạn thơ (bài thơ) đã học.

Tiết 3, 4

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Đọc và làm bài tập

Mùa xuân đến

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày càng thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích choè nhanh nhảu. Những chú khướu lắm điều. Những anh chào mào đỏm dáng. Những bác cu gáy trầm ngâm.



Chú chim sâu vui cùng vườn cây và các loài chim bạn. Nhưng trong trí thơ ngây của chú, còn mãi sáng ngời hình ảnh một cánh hoa mận trắng biết nở cuối đông để báo trước mùa xuân tới.

NGUYỄN KIÊN

– *Mận*: loài cây có hoa trắng, quả màu nâu, vàng hay xanh nhạt, ăn có vị ngọt hoặc chua.
– *Nồng nàn*: ý nói toả mùi thơm đậm đà, dễ chịu.
– *Khướu*: loài chim đuôi dài, lông màu đen, hay hót.
– *Đỏm dáng*: đẹp bề ngoài, có vẻ chải chuốt.
– *Trầm ngâm*: có dáng lặng lẽ như đang suy nghĩ.

1. Bầu trời và mọi vật thay đổi như thế nào khi mùa xuân đến?

2. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:





3. Tìm những từ chỉ đặc điểm giúp em cảm nhận được:
a) Hương vị riêng của mỗi loài hoa xuân.
b) Đặc điểm riêng của mỗi loài chim.

4. Đặt câu nói về đặc điểm của một loài hoa khi mùa xuân đến.

5. Nghe – viết: *Mùa xuân đến* (từ đầu đến "Hoa cau thoảng qua.")

Tiết 5, 6

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Luyện tập

1. Nghe, kể lại mẩu chuyện sau:

Soi gương

Hạt giống tâm hồn



Gợi ý

a) Câu chuyện xảy ra ở đâu?

b) Chú chó thứ nhất tính tình thế nào? Chú nhìn thấy gì trong gương và làm gì? Chú nghĩ gì khi ra khỏi ngôi nhà?

c) Chú chó thứ hai mặt mũi thế nào? Chú nhìn thấy gì trong gương và làm gì? Chú nghĩ gì khi chạy khỏi ngôi nhà?

d) Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

2. Dấu câu nào phù hợp với ô trống: **dấu chấm** hay **dấu chấm hỏi**, **dấu chấm than**?

Ông quạ thông thái dạy Toán Bọn trẻ cả xóm đều thích học ông. Chúng khác nhau: "Thầy dạy hay tuyệt". Vì sao vậy Rất đơn giản: Thầy dạy cộng trừ bằng các thứ hạt Trò nào làm đúng thì được ăn số hạt đó.



Tiết 7, 8

A Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng

B Đọc và làm bài tập

Mùa đông nắng ở đâu?

(Trích)

– Mùa hè nắng ở nhà ta
Mùa đông nắng đi đâu mất?

– Nắng ở xung quanh bình tích
Ủ nước chè tươi cho bà
Bà nhấp một ngụm rồi "khà"
Nắng trong nước chè chan chát.

Nắng vào quả cam nắng ngọt
Trong suốt mùa đông vườn em
Nắng lặn vào trong mùi thơm
Của trăm ngàn bông hoa cúc.

Mà nắng cũng hay làm nũng
Ở trong lòng mẹ rất nhiều
Mỗi lần ôm mẹ, mẹ yêu
Em thấy ấm ơi là ấm!

XUÂN QUỲNH



– *Bình tích (ấm tích)*: ấm sứ to, thường dùng để pha nước chè, nước vối.
– *Nước chè tươi*: nước nấu hoặc pha bằng lá chè già mới hái.

1. Mùa đông, nắng ở những đâu?

2. Những từ nào có thể thay thế từ **lặn** trong câu thơ sau?

Nắng lặn vào trong mùi thơm
Của trăm ngàn bông hoa cúc.

ngủ · ẩn · chìm · bơi · luồn · nấp

3. Vì sao mỗi lần ôm mẹ và được mẹ yêu, bạn nhỏ thấy như có nắng trong vòng tay mẹ?

4. Em hiểu "ấm ơi là ấm" có nghĩa là gì?

Cánh Diều

5. Sử dụng cách nói "ấm ơi là ấm", đặt câu với một trong các từ sau để thể hiện đánh giá của em đối với một người, một vật hoặc một con vật.

đẹp　khoẻ　tốt

M Con voi khoẻ ơi là khoẻ!

hiền　xinh

nhanh

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu và viết

Tiết 9, 10

(Bài luyện tập)

A Đọc thầm và làm bài tập

Em muốn làm cô giáo

1. Trưa ấy, Hà đến gặp thầy hiệu trưởng. Thầy vui vẻ hỏi:

– Em có việc gì đấy?

Hà ngồi trên ghế đối diện với thầy. Em nói chậm rãi, rành rọt, như người lớn:

– Thưa thầy, em muốn sau này sẽ làm cô giáo dạy ở trường mình ạ.

2. Hà tưởng thầy hiệu trưởng sẽ cười, nhưng thầy lại hỏi:

– Em chắc chắn nhé?

Hà gật đầu quả quyết:

– Em xin hứa sẽ làm mọi việc để giúp thầy ạ!

3. Nghe Hà hứa, thầy hiệu trưởng gật đầu. Thầy đưa bàn tay ra. Hai bàn tay nhỏ bé của Hà nắm lấy tay thầy. Hai thầy trò cùng cười. Em sẽ là cô giáo. Thật tuyệt!



Theo KU-RÔ-Y-A-NA-GI (Phí Văn Gừng dịch)

– *Chậm rãi*: hơi chậm, không vội vàng.

– *Rành rọt*: nói rất rõ ràng.

– *Quả quyết*: khẳng định chắc chắn, thể hiện sự quyết tâm.

1. Đánh dấu √ vào ▢ trước câu trả lời đúng:

a) Hà xin gặp thầy hiệu trưởng để làm gì?

▢ Để bày tỏ ước mơ sau này trở thành cô giáo của trường.

▢ Để được ngồi đối diện với thầy.

▢ Để được bắt tay thầy.

b) Sau khi nghe Hà nói, thầy hiệu trưởng tỏ thái độ thế nào?

▢ Thầy tỏ ra bất ngờ trước ý kiến của Hà.

▢ Thầy mỉm cười trước ý kiến ngộ nghĩnh của Hà.

▢ Thầy hỏi lại, rồi bắt tay Hà.

c) Bộ phận in đậm trong câu "**Trưa ấy**, Hà đến gặp thầy hiệu trưởng." trả lời cho câu hỏi nào?

▢ Ở đâu? ▢ Khi nào? ▢ Vì sao?

d) Câu nào dưới đây thể hiện quyết tâm của Hà?

▢ Em xin hứa sẽ làm mọi việc để giúp thầy ạ!

▢ Em chắc chắn nhé?

▢ Thật tuyệt!

2. Viết 1 – 2 câu nhận xét về bạn Hà.

B Viết

1. Nghe – viết: *Mùa đông nắng ở đâu?* (2 khổ thơ cuối)

2. Chọn 1 trong 2 đề:

a) Viết một đoạn văn ngắn về cô giáo (hoặc thầy giáo) lớp 2 của em.

Gợi ý

– Cô giáo (thầy giáo) lớp em tên là gì?

– Điều em nhớ nhất ở cô (thầy) trong năm học là gì?

– Nói lời cảm ơn và lời chúc cô (thầy) hoặc lời hứa với cô (thầy).

b) Viết một đoạn văn ngắn về người thân của em.

Cánh Diều

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang
C	
câu hỏi Để *làm gì?*	117, 137
câu hỏi *Khi nào?*	23, 35, 37,...
câu hỏi *Thế nào?*	16, 72, 93
câu hỏi *Ở đâu?*	40, 43, 54,...
câu hỏi *Vì sao?*	82, 91, 96
chữ hoa	6, 14, 19,...
D	
dấu chấm	33, 83, 91,...
dấu chấm hỏi	83, 109, 126
dấu chấm than	83, 109, 126
dấu phẩy	6, 33, 58,...
dấu thanh	5, 91, 133
K	
khổ thơ	4, 32, 40,...
N	
nhân vật	51, 69, 90,...
T	
từ ngữ	13, 19, 23,...

Cánh Diều

MỤC LỤC

Bài	Hoạt động	Nội dung	
19. Bạn trong nhà	Chia sẻ và đọc	*Đàn gà mới nở*	3
	Viết	Nghe – viết: *Mèo con* Chữ hoa: P	5
	Đọc	*Bồ câu tung cánh*	6
	Nói và nghe	Quan sát tranh ảnh vật nuôi	8
	Viết	Viết về tranh ảnh vật nuôi	8
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về vật nuôi	9
20. Gắn bó với con người	Chia sẻ và đọc	*Con trâu đen lông mượt*	11
	Viết	Nghe – viết: *Trâu ơi* Chữ hoa: Q	13
	Đọc	*Con chó nhà hàng xóm*	14
	Nói và nghe	Kể chuyện đã học: *Con chó nhà hàng xóm*	16
	Viết	Thời gian biểu. Lập thời gian biểu buổi tối	17
	Góc sáng tạo	Viết về vật nuôi	18
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	19
EM YÊU THIÊN NHIÊN			20
21. Lá phổi xanh	Chia sẻ và đọc	*Tiếng vườn*	21
	Viết	Nghe – viết: *Tiếng vườn* Chữ hoa: R	23
	Đọc	*Cây xanh với con người*	25
	Nói và nghe	Quan sát tranh ảnh cây, hoa, quả	26
	Viết	Lập thời gian biểu một ngày đi học	28
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về cây cối	28
22. Chuyện cây chuyện người	Chia sẻ và đọc	*Mùa lúa chín*	30
	Viết	Nghe – viết: *Mùa lúa chín* Chữ hoa: S	32
	Đọc	*Chiếc rễ đa tròn*	33
	Nói và nghe	Kể chuyện đã học: *Chiếc rễ đa tròn*	35
	Viết	Viết về hoạt động chăm sóc cây xanh	36
	Góc sáng tạo	*Hạt đỗ nảy mầm*	37
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	37
23. Thế giới loài chim	Chia sẻ và đọc	*Chim én*	38
	Viết	Nghe – viết: *Chim én* Chữ hoa: T	40
	Đọc	*Chim rừng Tây Nguyên*	42
	Nói và nghe	Quan sát đồ chơi hình một loài chim	43
	Viết	Viết về đồ chơi hình một loài chim	44
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về các loài chim	44

24. Những người bạn nhỏ	Chia sẻ và đọc	*Bờ tre đón khách*	46
	Viết	Nghe – viết: *Chim rừng Tây Nguyên* Chữ hoa: Ư Ư	48
	Đọc	*Chim sơn ca và bông cúc trắng*	49
	Nói và nghe	Nghe – kể: *Con quạ thông minh*	51
	Viết	Viết về hoạt động chăm sóc, bảo vệ loài chim	52
	Góc sáng tạo	Thông điệp từ loài chim	53
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	54
25. Thế giới rừng xanh	Chia sẻ và đọc	*Sư tử xuất quân*	55
	Viết	Nghe – viết: *Sư tử xuất quân* Chữ hoa: V	58
	Đọc	*Động vật "bế" con thế nào?*	59
	Nói và nghe	Quan sát đồ chơi hình một loài vật	61
	Viết	Viết về đồ chơi hình một loài vật	62
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về các loài vật	62
26. Muôn loài chung sống	Chia sẻ và đọc	*Hươu cao cổ*	64
	Viết	Nghe – viết: *Con sóc* Chữ hoa: X	66
	Đọc	*Ai cũng có ích*	67
	Nói và nghe	Kể chuyện đã học: *Ai cũng có ích*	69
	Viết	Nội quy vườn thú	70
	Góc sáng tạo	Khu rừng vui vẻ	71
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	72
27. ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II			73
28. Các mùa trong năm	Chia sẻ và đọc	*Chuyện bốn mùa*	80
	Viết	Nghe – viết: *Chuyện bốn mùa* Chữ hoa: Y	83
	Đọc	*Buổi trưa hè*	84
	Nói và nghe	Kể chuyện đã học: *Chuyện bốn mùa*	85
	Viết	Viết về một mùa em yêu thích	86
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về các mùa	87
29. Con người với thiên nhiên	Chia sẻ và đọc	*Ông Mạnh thắng Thần Gió*	88
	Viết	Nghe – viết: *Buổi trưa hè* Chữ hoa: a (kiểu 2)	91
	Đọc	*Mùa nước nổi*	92
	Nói và nghe	Dự báo thời tiết	93
	Viết	Viết, vẽ về thiên nhiên	94
	Góc sáng tạo	Giữ lấy màu xanh	95
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	96

EM YÊU TỔ QUỐC VIỆT NAM			97
30. Quê hương của em	Chia sẻ và đọc	*Bé xem tranh*	97
	Viết	Nghe – viết: *Bản em* Chữ hoa: 𝔐 (kiểu 2)	100
	Đọc	*Rơm tháng Mười*	102
	Nói và nghe	Nói về một trò chơi, món ăn của quê hương	103
	Viết	Viết về một trò chơi, món ăn của quê hương	104
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về quê hương	105
31. Em yêu quê hương	Chia sẻ và đọc	*Về quê*	106
	Viết	Nghe – viết: *Quê ngoại* Chữ hoa: 𝔐 (kiểu 2)	108
	Đọc	*Con kênh xanh xanh*	109
	Nói và nghe	Kể chuyện một lần về quê hoặc đi chơi	111
	Viết	Viết về quê hương hoặc nơi ở	111
	Góc sáng tạo	Ngày hội quê hương	112
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	114
32. Người Việt Nam	Chia sẻ và đọc	*Con Rồng cháu Tiên*	115
	Viết	Nghe – viết: *Con Rồng cháu Tiên* Chữ viết hoa: 𝔔 (kiểu 2)	117
	Đọc	*Thư Trung thu*	118
	Nói và nghe	Kể chuyện đã học: *Con Rồng cháu Tiên*	120
	Viết	Viết về đất nước, con người Việt Nam	121
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về người Việt Nam	121
33. Những người quanh ta	Chia sẻ và đọc	*Con đường của bé*	123
	Viết	Nghe – viết: *Con đường của bé* Chữ hoa: 𝔘 (kiểu 2)	125
	Đọc	*Người làm đồ chơi*	126
	Nói và nghe	Nghe – kể: *May áo*	128
	Viết	Viết về một người lao động ở trường	128
	Góc sáng tạo	Những người em yêu quý	129
34. Thiếu nhi đất Việt	Chia sẻ và đọc	*Bóp nát quả cam*	130
	Viết	Nghe – viết: *Bé chơi* Ôn các chữ hoa: 𝔄 𝔐 𝔑 𝔔 𝔘 (kiểu 2)	132
	Đọc	*Những ý tưởng sáng tạo*	133
	Nói và nghe	Nghe – kể: *Thần đồng Lương Thế Vinh*	135
	Viết	Viết về một thiếu nhi Việt Nam	136
	Tự đọc sách báo	Đọc sách báo viết về thiếu nhi Việt Nam	136
	Tự đánh giá	Em đã biết những gì, làm được những gì?	137
35. ÔN TẬP CUỐI NĂM			138

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38 301 303 - 39 381 382 - Fax: (028) 39 381 382
Email: nxb@hcmue.edu.vn
Website: http://nxb.hcmue.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc – Tổng biên tập
LÊ THANH HÀ

Biên tập:
NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI – NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

Tranh bìa:
LÊ PHƯƠNG

Thiết kế sách:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG

Minh hoạ:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG

Sửa bản in:
ĐOÀN THỊ HIỀN

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUT NGÔ TRẦN ÁI

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà AZ Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

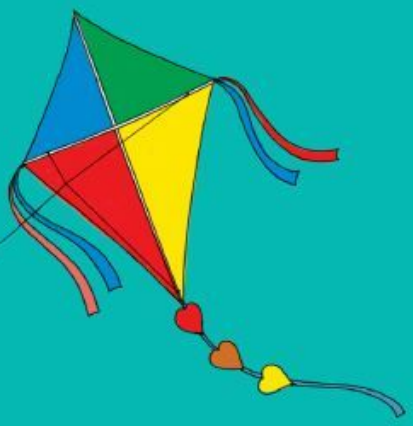
Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

TIẾNG VIỆT 2, tập hai

Mã số: .....
ISBN: .....

In ..... cuốn, khổ 19 x 26,5cm, tại .....
Địa chỉ: .....
Số xác nhận đăng kí xuất bản: .....
Quyết định xuất bản số: .....
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Tiếng Việt 2* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Các hoạt động đọc, viết, nghe và nói tiếng Việt của học sinh được tổ chức theo 5 chủ đề: *Em là búp măng non*, *Em đi học*, *Em ở nhà*, *Em yêu thiên nhiên*, *Em yêu Tổ quốc Việt Nam*.

Nội dung và hình thức trình bày các bài học trong sách hấp dẫn, khơi gợi trí tò mò khoa học, phát huy tính tích cực, khả năng tự học, tự vận dụng những điều đã học vào cuộc sống và bồi dưỡng tình cảm, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tác giả sách là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong giáo dục tiểu học.

SỬ DỤNG TEM CHỐNG GIẢ

1. Dùng điện thoại quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập vào trang web: https://canhdieu.monkey.edu.vn
2. Vào mục hướng dẫn (canhdieu.monkey.edu.vn/huong-dan) để xem hướng dẫn kiểm tra sách giả và kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

SÁCH KHÔNG BÁN